

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HK 1 MÔN LỊCH SỬ LỚP 12

CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH BÀI 1: LIÊN HỢP QUỐC

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Vào giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đồng minh nhận thấy cần phải hợp tác với nhau để

- A. Phân chia lại thuộc địa của các nước. B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
C. Tiêu diệt Chủ nghĩa phát xít. D. Phục hồi và phát triển kinh tế thế giới.

Câu 2. Ý nào sau đây là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của tổ chức Liên Hợp quốc?

- A. Cân bằng quyền lực các nước. B. Xoá bỏ chế độ thực dân kiểu cũ.
C. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới. D. Thực hiện quyền tự do hàng hải.

Câu 3. Ngày 1-1-1942, đại diện của 26 nước đã ký văn kiện nào sau đây?

- A. Tuyên bố về Liên hợp quốc. B. Thành lập khối Liên minh.
C. Xoá bỏ hệ thống thuộc địa. D. Chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 4. Năm 1945, bản Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua tại Hội nghị nào sau đây?

- A. hội nghị Tam cường I-an-ta. B. hội nghị Xan Phran-xi-xcô.
C. hội nghị Bàn Môn Điếm. D. hội nghị Véc xai - Oasington.

Câu 5. Cơ quan nào của Liên hợp quốc giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế?

- A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Tòa án quốc tế.

Câu 6. Cơ quan nào sau đây là cơ quan duy nhất của Liên hợp quốc có đại diện của tất cả các nước thành viên?

- A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Toà án quốc tế.

Câu 7. Nước nào sau đây là một trong những Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

- A. Nhật. B. Đức. C. Anh. D. Bỉ.

Câu 8. Tổ chức nào sau đây là tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh hiện nay?

- A. Liên hợp quốc. B. Liên minh châu Âu.
C. Tổ chức thương mại thế giới. D. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

Câu 9. Trụ sở chính của tổ chức Liên hợp quốc đặt tại

- A. Niu Ooc (Mỹ). B. Pari (Pháp). C. Luân Đôn (Anh). D. Ianta (Liên Xô).

Câu 10. “Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế” là mục tiêu quan trọng của tổ chức nào sau đây?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). B. Liên minh châu Âu (EU).
C. Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). D. Liên hợp quốc.

Câu 11. Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của 5 nước Ủy viên thường trực là

- A. Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Đức. B. Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Nhật.
C. Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Italia, Anh. D. Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp.

Câu 12. Vai trò duy trì hoà bình, an ninh quốc tế của Liên hợp quốc được thể hiện thông qua hoạt động nào sau đây?

- A. Xây dựng chương trình hỗ trợ các nước về vốn, tri thức, kĩ thuật,...
B. Đề ra mục tiêu phát triển Thiên niên kỉ nhằm xoá bỏ đói nghèo .
C. Kí điều ước quốc tế về quyền phụ nữ và trẻ em.
D. Thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

Câu 13. Bản Hiến chương Liên hợp quốc đã được thông qua khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai

- A. bước vào giai đoạn quyết liệt. B. bước vào giai đoạn kết thúc.
C. bắt đầu lan ra khu vực châu Á. D. bắt đầu lan ra khu vực châu Phi.

Câu 14. Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập trong bối cảnh nhân dân thế giới ý thức sâu sắc về hậu quả tàn khốc của

- A. chiến tranh lạnh. B. khủng hoảng kinh tế. C. phân hóa giàu nghèo. D. chiến tranh thế giới.

Câu 15. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc đều được quy định rõ trong văn kiện nào sau đây?

- A. Công ước Liên hợp quốc về Luật biển. B. Tuyên bố Luân Đôn.
C. Hiến chương Liên hợp quốc. D. Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền

Câu 16. Trong số các mục tiêu hoạt động của Liên hợp quốc, mục tiêu nào là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác

- A. duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. B. trung tâm điều hòa các nỗ lực quốc tế.
C. thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. D. thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế?

- A. Góp phần ngăn ngừa cuộc chiến tranh thế giới mới.
B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội.
C. Giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học.
D. Xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của con người

Câu 18. Ngày 24- 10-1945, tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập khi các nước thành viên

- A. phê chuẩn Hiến chương. B. tham dự hội nghị Tê-hê-ran (Iran).
C. ra *Bản tuyên bố Luân Đôn*. D. họp hội nghị Xan Phran-xi- cô (Mĩ).

Câu 19. Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng, cấp bách được đặt ra trước các cường quốc đồng minh, **ngoại trừ** việc cần phải

- A. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
B. tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
C. thắt chặt quan hệ trong khối Đồng minh.
D. phân chia thành quả chiến tranh giữa các nước.

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của tổ chức Liên hợp quốc từ năm 1945 đến nay?

- A. Duy trì trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm. B. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
C. Thúc đẩy quá trình phi thực dân hóa. D. Hỗ trợ các nước về giáo dục, y tế, nhân đạo.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của tổ chức Liên Hiệp Quốc?

- A. Ngăn chặn các cuộc xung đột vũ trang. B. Thúc đẩy quá trình phi thực dân hóa.
C. Ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân. D. Góp phần kết thúc Chiến tranh lạnh.

Câu 22. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng mục tiêu hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới
B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
C. Hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội
D. Trung tâm điều hòa các nỗ lực quốc tế vì mục tiêu chung.

Câu 23. Sự ra đời của Liên hợp quốc phù hợp với

- A. khát vọng được sống trong hòa bình của nhân dân thế giới.
B. nhu cầu bảo vệ nền hòa bình của các nước Đồng minh.
C. sự phát triển tất yếu của tiến trình lịch sử nhân loại.
D. nhu cầu bức thiết cần giải quyết sau Chiến tranh thế giới.

Câu 24. Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là

- A. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực đối với nhau.
B. Hợp tác, bình đẳng dựa trên cơ sở các bên cùng có lợi.

C. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các nước.

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước.

Câu 25. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò của Liên hợp quốc trong việc bảo đảm quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội?

A. Tăng cường bình đẳng giới và vị thế, năng lực của phụ nữ.

B. Giảm lãi suất cho vay ở hầu hết các nước đang phát triển.

C. Cải thiện năng lực công nghệ thông tin.

D. Hoàn thành phổ cập giáo dục đại học.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI

Câu 1. Đọc bảng niên biểu dưới đây

Thời gian	Sự kiện
1 – 1 – 1942	Đại diện 26 quốc gia kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết hợp tác trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.
1943	Tại hội nghị Tê-hê-ran, ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc
2 -1945	Tại hội nghị I-an-ta, ba nước Liên Xô, Mĩ, Anh ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.
25 – 4 – 1945 đến 26 – 6 – 1945	50 nước đại biểu trong hội nghị quốc tế Xan Phran-xi-xcô đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
24 – 10 –1945	Liên hợp quốc chính thức được thành lập với 51 thành viên.

a. Bảng niên biểu trên phản ánh quá trình hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc trong lịch sử.

b. Ngay khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đang tiếp diễn, các quốc gia trên thế giới đã có ý tưởng về việc thành lập Liên hợp quốc.

c. Tất cả các quốc gia trên thế giới đều đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

d. Sự ra đời của Liên hợp quốc là nhân tố quyết định tác động đến việc chấm dứt cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“[Năm 1960], Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng. Tuyên ngôn đã khẳng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhất của luật pháp quốc tế; khẳng định rõ ràng cơ sở pháp lý quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức”.

(Nguyễn Quốc Hùng – Nguyễn Hồng Quân, *Liên hợp quốc và Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

a. Với sự kiện Liên hợp quốc thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960) thì chủ nghĩa thực dân bị thủ tiêu hoàn toàn.

b. Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960) đã thể hiện sự ủng hộ của Liên hợp quốc đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

c. Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960) đã bổ sung thêm những nguyên tắc hoạt động cơ bản của tổ chức Liên hợp quốc.

d. Nội dung chính của đoạn tư liệu đã khẳng định vai trò duy trì, hoà bình, an ninh quốc tế của Liên hợp quốc.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

“Các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc bao gồm: Bình đẳng về chủ quyền quốc gia; Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia; Từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước; Tôn trọng

các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế; Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình”.

(Theo Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945)

- a. Các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc được quy định đầy đủ tại Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945.
- b. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ được tất cả các thành viên thực hiện nghiêm chỉnh.
- c. Theo tư liệu trên, cơ sở các mối quan hệ quốc tế ở Hiến chương là bình đẳng, tự quyết, hoà bình.
- d. Để giải quyết các tranh chấp trên biển Đông, Việt Nam đã vận dụng các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

“Hiến chương Liên hợp quốc quy định mục đích cao nhất của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh thế giới bằng cách áp dụng những biện pháp có hiệu lực để đề phòng và thủ tiêu sự đe dọa đối với hoà bình, để trừng trị mọi hành động xâm lược và phá hoại hoà bình. Ngoài ra, Liên hợp quốc còn nhằm thúc đẩy sự phát triển quan hệ hữu nghị giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các dân tộc và nguyên tắc dân tộc tự quyết. Để thực hiện mục đích trên, Hiến chương Liên hợp quốc sẽ hành động dựa theo các nguyên tắc: chủ quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết; tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước; giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình; không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.”

(Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009, trang 227)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
- b. Mục đích chính của Liên hợp quốc là thúc đẩy sự phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên thế giới.
- c. Toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị là những quyền dân tộc cơ bản của một quốc gia, được Liên hợp quốc tôn trọng thông qua nguyên tắc hoạt động.
- d. Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình góp phần giúp Liên hợp quốc giải quyết triệt để xung đột giữa các quốc gia trên thế giới.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, và để đạt được mục đích đó, thì hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe dọa hoà bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hoà bình khác, điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hoà bình, bằng biện pháp hoà bình theo đúng nguyên tắc của công lý và pháp luật quốc tế.

(Trích: Điều 1, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

- a. Đoạn tư liệu thể hiện mục tiêu của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh quốc phòng cho tất cả các quốc gia.
- b. Một trong những mục tiêu của Liên hợp quốc là giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế bằng pháp luật của các quốc gia.
- c. Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, duy trì hoà bình và an ninh quốc tế là mục tiêu được đặt lên hàng đầu.
- d. Ngày nay, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế bằng biện pháp hoà bình

Bài 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Hội nghị I-an-ta diễn ra khi chiến tranh thế giới thứ hai

- A. bước vào giai đoạn quyết liệt.
- B. bước vào giai đoạn kết thúc.
- C. bước vào giai đoạn phản công.
- D. bước vào giai đoạn giằng co.

Câu 2. Đầu năm 1945, tại Liên Xô đã diễn ra hội nghị quốc tế quan trọng nào sau đây?

- A.** Hội nghị I-an-ta **B.** Hội nghị Tê-hê-ran **C.** Hội nghị Băng Đung **D.** Hội nghị Pôt-xdam

Câu 3. Nguyên thủ quốc gia nào sau đây tham dự Hội nghị Ianta (tháng 2-1945)?

- A.** Nhật Bản. **B.** Pháp. **C.** Đức. **D.** Mỹ.

Câu 4. Theo quy định của Hội nghị Ianta, vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A.** Liên Xô. **B.** Mỹ. **C.** Đức. **D.** Nhật Bản.

Câu 5. Theo quy định của Hội nghị Ianta, các vùng của châu Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của phương Tây là

- A.** Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Á. **B.** Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Tây
C. Đông Bắc Á, Tây Á, Nam Á. **D.** Tây Á, Đông Nam Á, Nam Á.

Câu 6. Theo quy định của Hội nghị Ianta, những quốc gia ở châu Âu ở trong tình trạng trung lập là

- A.** Áo và Thụy Sĩ. **B.** Áo và Thụy Điển. **C.** Áo và Phần Lan. **D.** Thụy Sĩ và Phần Lan.

Câu 7. Theo quy định của Hội nghị Ianta, Nhật Bản sẽ bị chiếm đóng chủ yếu bởi

- A.** Liên Xô. **B.** Mỹ. **C.** Anh. **D.** Pháp.

Câu 8. Theo thỏa thuận tại Hội nghị Ianta, khu vực Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A.** Liên Xô **B.** Trung Quốc **C.** Nhật Bản **D.** các nước phương Tây

Câu 9. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2-1945), Liên Xô **không** được phân chia phạm vi ảnh hưởng ở địa bàn nào sau đây?

- A.** Đông Béclin. **B.** Đông Âu. **C.** Đông Đức. **D.** Tây Âu.

Câu 10. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), nước nào cản trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ?

- A.** Trung Quốc. **B.** Nhật Bản. **C.** Pháp. **D.** Ấn Độ.

Câu 11. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), quân đội quốc gia nào sau đây chiếm đóng miền Bắc bán đảo Triều Tiên?

- A.** Mỹ. **B.** Pháp. **C.** Anh. **D.** Liên Xô.

Câu 12. Trật tự hai cực Ianta được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai khẳng định vị thế hàng đầu

của hai cường quốc nào?

- A.** Liên Xô và Mỹ. **B.** Mỹ và Anh. **C.** Liên Xô và Anh. **D.** Liên Xô và Pháp.

Câu 13. Trật tự thế giới được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai có tên gọi là

- A.** hệ thống Vécxai – Oasinhton **B.** trật tự hai cực I-an-ta
C. trật tự thế giới đa cực **D.** trật tự thế giới đơn cực

Câu 14. Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là giai đoạn trật tự hai cực I-an-ta

- A.** xác lập và phát triển **B.** suy yếu và sụp đổ **C.** xói mòn và tan rã **D.** bước đầu xác lập

Câu 15. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991 là giai đoạn trật tự hai cực I-an-ta

- A.** xác lập và phát triển **B.** suy yếu và sụp đổ **C.** bước đầu xói mòn **D.** bước đầu xác lập

Câu 16. Trật tự thế giới hai cực Ianta hoàn toàn tan rã khi

- A.** Tổ chức Hiệp ước Vácava chấm dứt hoạt động.
B. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
C. chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.
D. Tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) bị giải thể.

Câu 17. Tháng 12-1989, tại đảo Manta, Tổng thống Mỹ và Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô đã cùng tuyên bố

- A.** bình thường hóa quan hệ. **B.** chấm dứt chiến tranh lạnh.
C. không phổ biến vũ khí hạt nhân. **D.** cắt giảm vũ khí chiến lược.

Câu 18. Sau khi trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ, một trật tự thế giới mới đang được hình thành

theo xu thế

- A. đơn cực B. đa cực C. độc tài D. quân phiệt

Câu 19. Hội nghị I-an-ta diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Phe Đồng minh bắt đầu chuyển sang phản công trên các mặt trận.
B. Phe phát xít đã xâm chiếm và thống trị hầu hết châu Âu và châu Á.
C. Phe Đồng minh giành được thắng lợi quan trọng trên các mặt trận.
D. Chiến tranh thế giới II bắt đầu lan sang châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** phải là vấn đề cấp bách đặt ra đối với các cường quốc Liên

Xô, Mỹ, Anh vào đầu năm 1945?

- A. Nhanh chóng đánh bại phát xít. B. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh.
C. Phân chia thành quả chiến thắng. D. Thành lập khối Đồng minh chống phát xít.

Câu 21. Hội nghị Ianta (tháng 2 - 1945) **không** thông qua quyết định nào sau đây?

- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
B. Thỏa thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
D. Giao cho quân Pháp việc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương.

Câu 22. Hội nghị Ianta thỏa thuận phân chia phạm vi ảnh hưởng của ba cường quốc ở khu vực nào?

- A. Châu Á, Châu Phi. B. Châu Á, Châu Âu. C. Châu Âu, Châu Mỹ. D. Châu Á, châu Mỹ.

D. viện trợ cho các nước đồng minh khắc phục hậu quả chiến tranh.

Câu 23. Hội nghị Ianta (2-1945) họp tại Liên Xô **không** thông qua nội dung nào sau đây?

- A. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Á. B. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu.
C. Liên Xô tham gia chiến tranh chống Nhật. D. Tiêu diệt đồng thời các nước phát xít.

Câu 24. Theo quyết định của hội nghị I-an-ta (2 – 1945), lực lượng nào sau đây sẽ bị tiêu diệt?

- A. Chủ nghĩa đế quốc. B. Chủ nghĩa xã hội.
C. Chủ nghĩa phát xít. D. Phong kiến quân phiệt.

Câu 25. Tại hội nghị Ianta (2/1945), các cường quốc Đồng minh đã thống nhất mục tiêu chung là

- A. thành lập tổ chức Hội Quốc liên nhằm duy trì hoà bình, an ninh thế giới.
B. phân chia phạm vi ảnh hưởng và khu vực đóng quân giữa các nước phát xít.
C. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
D. thỏa thuận đóng quân tại châu Á, châu Phi nhằm giải giáp quân đội phát xít.

Câu 26. Theo quyết định của hội nghị Ianta (2-1945), Liên Xô **không** đóng quân tại khu vực nào sau đây?

- A. Đông Đức. B. Bắc Triều Tiên. C. Đông Âu. D. Nam Á.

Câu 27. Theo quyết định của hội nghị Ianta (tháng 2-1945), Mỹ **không** được phân chia phạm vi ảnh

hưởng ở địa bàn nào sau đây?

- A. Tây Âu. B. Nhật Bản. C. Tây Đức. D. Bắc Triều Tiên.

Câu 28. Nội dung nào sau đây **không** phải là quyết định của hội nghị I-an-ta (2-1945)?

- A. Chia cắt bán đảo Triều Tiên thành hai miền. B. Quyết định thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

- C. Chia cắt Việt Nam và bán đảo Đông Dương. D. Vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ

Câu 29. Sự chia cắt bán đảo Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai là hệ quả từ những quyết định của

- A. Hội nghị Tê – hê - ran. B. Hội nghị Pốt- xđam.
C. Hội nghị I-an-ta. D. Hội nghị Xan Phran – xi- xcô.

Câu 30. Những quyết định của hội nghị I-an-ta và những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành

- A. khuôn khổ của trật tự thế giới mới.
 C. nguyên nhân dẫn đến chiến tranh lạnh.
 B. nguyên nhân kết thúc chiến tranh lạnh.
 D. tiền đề cho tổ chức Hội quốc liên ra đời.

Câu 31. Đặc trưng của trật tự thế giới mới được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Mĩ trở thành cường quốc duy nhất có ảnh hưởng lớn
 B. sự vươn lên mạnh mẽ của nhiều cường quốc ở châu Á
 C. thế giới chia thành hai cực, hai phe đối lập nhau
 D. hòa bình được củng cố trên phạm vi toàn cầu

Câu 32. Đặc trưng nổi bật của trật tự hai cực I-an-ta từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là

- A. sự phát triển mạnh mẽ của xu thế liên kết khu vực
 B. sự hình thành hai hệ thống đối đầu nhau về tư tưởng.
 C. kinh tế là nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.
 D. xu thế hòa hoãn Đông – Tây chiếm ưu thế chủ đạo.

Câu 33. Liên minh quân sự nào sau đây được thành lập trong thời kì tồn tại của trật tự hai cực I-an-ta?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
 B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu
 C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
 D. Hội đồng tương trợ kinh tế

Câu 34. Để chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, năm 1947, Mỹ đã

- A. phát động cuộc Chiến tranh lạnh
 B. Thành lập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
 C. phát động cuộc chiến tranh Triều Tiên
 D. Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam

Câu 35. Trong giai đoạn xác lập và phát triển của trật tự hai cực I-an-ta, Mỹ và Liên Xô đã có hành

động nào sau đây?

- A. Tiến hành chiến tranh xâm lược
 B. Hợp tác phát triển kinh tế
 C. Ủng hộ chiến tranh thế giới
 D. Tăng cường chạy đua vũ trang

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

“Những quyết định của Hội nghị cấp cao I-an-ta tháng 2-1945 đã trở thành những khuôn khổ của trật tự thế giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945 -1947 sau khi chiến tranh kết thúc, thường được gọi là "Trật tự hai cực I-an- ta" (hai cực chỉ Mỹ và Liên Xô phân chia nhau phạm vi thế lực trên cơ sở thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta)”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.224)

- a) Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã xác lập cục diện hai cực, hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong quan hệ quốc tế.
 b) Tác động quan trọng nhất của Hội nghị I-an-ta đến quan hệ quốc tế xuất phát từ sự phân chia phạm vi thế lực của Mỹ và Liên Xô.
 c) Hội nghị cấp cao I-an-ta diễn ra sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
 d) Những quyết định quan trọng của hội nghị I-an-ta và những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, trật tự hai cực I-an-a. Thế giới bị chia thành 2 phe do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe, đối đầu gay gắt.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

“... Chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của một kỉ nguyên hoàn toàn mới trong quan hệ Mỹ — Xô. Chúng ta hoàn toàn có thể đóng góp theo cách riêng của mình nhằm vượt qua sự chia rẽ ở châu Âu và kết thúc cuộc đối đầu quân sự tại đó”.

(Phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ trong cuộc gặp với Tổng Bí thư

Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp. tháng 12-1989)

- a) Phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ trong cuộc gặp với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12-1989) đánh dấu kết thúc hoàn toàn cuộc đối đầu quân sự tại châu Âu.
 b) Lí do thúc đẩy Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ gặp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-

ba-chốp (12-1989) là muốn chấm dứt Chiến tranh lạnh.

c) Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ gặp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12-1989) nhằm mục đích tăng cường hợp tác thương mại giữa hai quốc gia.

d) "ngưỡng cửa của một kỉ nguyên hoàn toàn mới" trong tư liệu trên đề cập đến kỉ nguyên toàn cầu hoá.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô - Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học - kĩ thuật”.

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

a. Hợp tác về kinh tế - chính trị làm suy yếu tiềm lực phát triển của từng nước.

b. Tình trạng đối đầu về chính trị – quân sự của Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh lạnh khiến cho hai nước chịu nhiều tổn thất.

c. Thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia.

d. Đoạn tư liệu thể hiện xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

[Từ sau năm 1991]

“Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp,...; Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa,...); Sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những “đột phá” và biến chuyển trên cục diện thế giới”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424)

a. Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung chính là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b. Anh, Pháp ngày càng trở thành những cực lớn nhất trong trật tự thế giới đa cực từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

c. Sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật là nhân tố tác động đến hình thành trật tự thế giới mới.

d. Sức mạnh tổng hợp của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức sẽ góp phần định hình trật tự thế giới mới.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

“Những quyết định của Hội nghị cấp cao I-an-ta tháng 2-1945 đã trở thành những khuôn khổ của trật tự thế giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945 -1947 sau khi chiến tranh kết thúc, thường được gọi là “Trật tự hai cực I-an-ta ” (hai cực chi Mỹ và Liên Xô phân chia nhau phạm vi thế lực trên cơ sở thoả thuận của Hội nghị I-an-ta)”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.224)

a. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã xác lập cục diện hai cực, hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong quan hệ quốc tế.

b. Tác động quan trọng nhất của Hội nghị I-an-ta đến quan hệ quốc tế xuất phát từ sự phân chia phạm vi thế lực của Mỹ và Liên Xô.

c. Hội nghị cấp cao I-an-ta diễn ra sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

d. Đoạn tư liệu đánh giá tác động của Hội nghị I-an-ta đến khuôn khổ trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trật tự thế giới hai cực I-an-la sụp đổ có tác động lớn đến thế giới, đưa tới xu thế phát triển mới. Trong quan hệ quốc tế, một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đa cực. Mỹ tiếp tục là siêu cường có sức mạnh vượt trội, nhưng phạm vi ảnh hưởng bị thu hẹp ở nhiều nơi. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và những điều kiện để giải quyết hòa bình các cuộc tranh chấp, xung đột như ở Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a... Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta cũng tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước lớn ở châu Âu...”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 13)

- a. Sau khi trật tự I-an-ta sụp đổ, trật tự thế giới mới được hình thành theo xu thế đa cực.
- b. Trong trật tự này, các cường quốc mới như Trung Quốc, Ấn Độ có vai trò chi phối.
- c. Sau khi trật tự I-an-ta sụp đổ, xu thế chung của thế giới là hòa bình, ổn định, hợp tác.
- d. Từ năm 2000, Nga và Mỹ chỉ hợp tác trong khoa học, không gian, y học và môi trường.

BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển

- A. kinh tế.
- B. quân sự.
- C. thể thao.
- D. vũ khí hạt nhân.

Câu 2. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, một trong những xu thế của thế giới là

- A. hòa hoãn, ổn định, hợp tác và phát triển.
- B. hình thành trật tự thế giới mới đơn cực.
- C. ráo riết chuẩn bị chiến tranh toàn cầu.
- D. hạn chế tình trạng cạnh tranh giữa các nước.

Câu 3. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, yếu tố nào sau đây đóng vai trò là trung tâm trong quan hệ quốc tế?

- A. Quân sự
- B. Chính trị
- C. Vũ khí chiến lược
- D. Kinh tế

Câu 4. Trật tự thế giới đa cực được hình thành sau khi

- A. chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- C. xu thế hòa hoãn Đông – Tây xuất hiện.
- D. Mỹ phát động chiến tranh lạnh.

Câu 5. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, một trật tự thế giới mới được hình thành có tên gọi là

- A. trật tự đa cực
- B. Trật tự đơn cực
- C. Trật tự hai cực I-an-ta
- D. Trật tự Vécxai – Oasinhton

Câu 6. Trật tự đa cực được hình thành vào đầu thế kỉ XXI sau khi trật tự thế giới nào sau đây bị sụp đổ?

- A. Trật tự nhất siêu, nhiều cường
- B. Trật tự đơn cực
- C. Trật tự hai cực I-an-ta
- D. Trật tự Vécxai – Oasinhton

Câu 7. Sau khi trật tự hai I-an-ta sụp đổ, quốc gia nào sau đây ra sức thiết lập trật tự thế giới đơn cực?

- A. Liên bang Nga
- B. Mỹ
- C. Nhật Bản
- D. Ấn Độ

Câu 8. Trong trật tự thế giới đa cực, quốc gia nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ quốc tế?

- A. Ấn Độ
- B. Nhật Bản
- C. Mỹ
- D. Anh

Câu 9. Trong trật tự thế giới đa cực, hai cực có tầm ảnh hưởng lớn nhất là

- A. Nhật Bản và Trung Quốc
- B. Mỹ và Trung Quốc
- C. Nhật Bản và Ấn Độ
- D. Liên bang Nga và Ấn Độ

Câu 10. Từ những năm 80 của thế kỉ XX trên thế giới xuất hiện xu thế

- A. hòa hoãn.
- B. đối thoại.
- C. toàn cầu hóa.
- D. hợp tác quốc tế.

Câu 11. Đa cực là khái niệm dùng chỉ xu thế trật tự thế giới đầu

- A. thế kỉ XX
- B. thế kỉ XXI
- C. thế kỉ XIX
- D. thế kỉ XVIII

Câu 12. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, quốc gia nào sau đây ở châu Á đã vươn lên trở thành một cực trong trật tự thế giới đa cực?

- A. Mỹ
- B. Anh
- C. Pháp
- D. Nhật Bản

Câu 13. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, nước xã hội chủ nghĩa nào sau đây đã vươn lên trở thành một cực trong trật tự thế giới đa cực?

- A. Liên bang Nga B. Trung Quốc C. Ấn Độ D. Nhật Bản

Câu 14: Trong xu thế đa cực mối quan hệ giữa các nước mang tính hai mặt là

- A. hài hòa và hợp tác. B. mâu thuẫn và kiềm chế.
C. đối thoại và thỏa hiệp. D. cạnh tranh và hợp tác.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
B. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.
C. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.
D. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực.

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển quân sự làm trọng điểm.
B. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
C. Mỹ nắm vai trò là siêu cường duy nhất chi phối quan hệ quốc tế
D. Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng hòa hoãn, đối thoại, hợp tác

Câu 17. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt là

- A. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo. B. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác.
C. Hòa bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo. D. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối đầu gay gắt.

Câu 18. Chiến tranh lạnh kết thúc đã làm cho

- A. kinh tế trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.
B. chạy đua vũ trang trở thành hình thức cạnh tranh chủ yếu giữa các nước.
C. sức mạnh của các quốc gia không phụ thuộc vào lực lượng quốc phòng.
D. quan hệ giữa các nước lớn diễn ra theo chiều hướng đối đầu.

Câu 19. Sau Chiến tranh lạnh, các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng hòa hoãn, đối thoại, hợp tác chủ yếu là do

- A. trật tự hai cực I-an-ta đã được xác B. nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế
C. kinh tế Liên Xô đang lâm vào khủng hoảng D. Mỹ và Liên Xô hạn chế chạy đua vũ trang

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng sự điều chỉnh quan hệ giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Giảm dần sự cạnh tranh về kinh tế. B. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược.
C. Hòa hoãn, đối thoại, cùng phát triển. D. Giảm dần cuộc chạy đua vũ trang.

Câu 21. Sau Chiến tranh lạnh, một trong những mục tiêu của các quốc gia là

- A. triệt tiêu cạnh tranh trong phát triển kinh tế. B. xây dựng nền kinh tế vững mạnh.
C. xóa bỏ hoàn toàn hệ thống thuộc địa. D. khôi phục lại trật tự thế giới hai cực.

Câu 22. Sự kiện lịch sử nào sau đây diễn ra sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương được thành lập.
B. Trung Quốc vươn lên thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới
C. Các thế lực phát xít lên cầm quyền ở một số nước châu Âu.
D. Liên Xô và Mỹ thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược.

Câu 23. Nhận xét nào sau đây **không** đúng khi nói về vị thế của Mỹ sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Là nước có quy mô kinh tế lớn nhất thế giới.
B. Là nước có ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ quốc tế.
C. Là nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh nhất thế giới.
D. Vươn lên thành một cực trong trật tự thế giới đa cực.

Câu 24. Biểu hiện nào dưới đây **không** phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển quân sự làm trọng điểm.

B. Trật tự thế giới đa cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.

C. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.

D. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực.

Câu 25. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, một trong những xu thế của thế giới là

A. hòa hoãn, ổn định, hợp tác và phát triển.

B. hình thành trật tự thế giới mới đơn cực.

C. ráo riết chuẩn bị chiến tranh toàn cầu.

D. hạn chế tình trạng cạnh tranh giữa các

nước.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật”.

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

a. Kinh tế và khoa học – kĩ thuật là hai yếu tố chủ yếu tạo nên sức mạnh tổng hợp của một quốc gia sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

b. Một trong những bài học rút ra từ thời kì chiến tranh lạnh cho tất cả các quốc gia là không nên tập trung vào phát triển quân sự, quốc phòng đất nước.

c. Sau thời kì chiến tranh lạnh, Xô – Mỹ lấy đối đầu về chính trị - quân sự là chủ yếu, trong khi đó Đức và Nhật Bản lại lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chủ yếu.

d. Trong thời kì chiến tranh lạnh và sau thời kì chiến tranh lạnh, nội dung của quan hệ quốc tế có sự điều chỉnh từ chỗ lấy yếu tố quân sự sang lấy yếu tố kinh tế là trọng tâm.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trật tự thế giới mới này [đa cực] được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp, ...; Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa, ...); Sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những “đột phá” và biến chuyển trên cục diện thế giới”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424).

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về những biểu hiện của trật tự thế giới đa cực đang được hình thành hiện nay.

b. Cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp của các cường quốc là một trong những nhân tố quan trọng tác động đến sự hình thành trật tự thế giới đa cực.

c. Mỹ, Nga, Trung Quốc là những cường quốc giữ vai trò chi phối quan hệ quốc tế trong cả trật tự hai cực I-an-ta và trật tự đa cực.

d. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật vừa là nguyên nhân dẫn đến sự xói mòn và sụp đổ của trật tự hai cực I-an-ta, vừa là nhân tố tác động đến sự hình thành của trật tự thế giới đa cực.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Biểu hiện của xu thế đa cực trước hết là sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại, ... của các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), ...

Thứ hai là sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

Thứ ba là vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực.

Trong xu thế đa cực, Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn, nhưng các nước lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị khác cũng đang vươn lên mạnh mẽ để khẳng định vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr. 19 –

20)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế hiện nay.
- b. Trong xu thế đa cực, Mỹ không còn là cường quốc duy nhất nắm vai trò chi phối quan hệ quốc tế.
- c. Một trong những điểm khác biệt của trật tự thế giới theo xu thế đa cực so với trật tự hai cực I-an-ta là sự gia tăng sức mạnh và tầm ảnh hưởng của một số cường quốc mới.
- d. Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn là một biểu hiện cho sự cân bằng sức mạnh giữa hai hệ thống xã hội đối lập trong trật tự thế giới đa cực.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế, phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr. 19)

- a. “Đa cực” là một thuật ngữ dùng để chỉ tên của một trật tự thế giới mới đang được hình thành sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.
- b. Sự hình thành trật tự thế giới đa cực mang tính khách quan vì đó là kết quả của cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp của các cường quốc
- c. Trật tự thế giới đa cực có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó các quốc gia và trung tâm có quyền lực hoàn toàn ngang bằng nhau.
- d. Trật tự hai cực I-an-ta và trật tự thế giới đa cực đều phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới giữa các cường quốc trong quan hệ quốc tế

Chủ đề 2: ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Bài 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. Trắc nghiệm nhiều phương án

Câu 1: Quốc gia nào sau đây là một trong các thành viên sáng lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1967?

- A. Thái Lan.
- B. Hàn Quốc.
- C. Ba Lan.
- D. Mê-hi-cô.

Câu 2: Năm 1984, quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 6 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Bru-nây.
- B. Mi-an-ma.
- C. Cam-pu-chia.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 3: Năm 1995, quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Việt Nam.
- B. Mi-an-ma.
- C. Cam-pu-chia.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 4: Năm 1997, hai quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 8 và thứ 9 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Lào và Mi-an-ma.
- B. Việt Nam và Cam-pu-chia.
- C. Thái Lan và Xin-ga-po.
- D. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

Câu 5: Năm 1999, quốc gia nào sau đây được kết nạp, trở thành thành viên thứ 10 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Cam-pu-chia.
- B. Mi-an-ma.
- C. Việt Nam.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 6: Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1967-1976?

- A. Tập trung vào hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.
- B. Phản đối Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, ủng hộ xu thế đa cực.
- C. Tích cực ủng hộ việc đấu tranh chống Mỹ xâm lược Việt Nam.
- D. Tham gia vào việc giải quyết căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1976-1999?

- A. Phát triển số lượng thành viên từ 5 nước lên 10 nước.
- B. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.
- C. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
- D. Các nước tập trung hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.

Câu 8: Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu về chính trị - an ninh của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1976-1999?

- A. Tham gia vào việc giải quyết lập lại hòa bình ở Cam-pu-chia.
- B. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.
- C. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
- D. Các nước tập trung hợp tác trên lĩnh vực chính trị - an ninh.

Câu 9: Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1999-2015?

- A. Hợp bản và đã thông qua bản Hiến chương ASEAN.
- B. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động.
- C. Tham gia giải quyết vấn đề hòa bình ở In-đô-nê-xi-a.
- D. Hoàn thành việc kết nạp Đông Ti-mo vào ASEAN.

Câu 10. Các thành viên sáng lập tổ chức ASEAN (1967) gồm

- A. Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Brunây.
- B. Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin
- C. Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Việt Nam.
- D. Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Mianma

Câu 11 Yếu tố nào sau đây tác động đến sự ra đời của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ
- B. Sự phát triển của xu thế liên kết khu vực.
- C. Khủng hoảng năng lượng thế giới
- D. Sự phát triển của xu thế toàn cầu hóa.

Câu 12. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là

- A. nhu cầu duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. sự quan tâm và chỉ đạo của tổ chức Liên hợp quốc.
- C. yêu cầu đối phó với các cường quốc trong khu vực.
- D. nhu cầu phát triển của mỗi quốc gia thành viên.

Câu 13. Năm 1963, ở khu vực Đông Nam Á, ba nước Indonesia, Phi-lip-pin, Malaixia đã thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. MAPHILINDO
- B. Hiệp hội Đông Nam Á (ASA)
- C. Cộng đồng châu Âu
- D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)

Câu 14. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng bối cảnh thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á(ASEAN)?

- A. Một số nước trong khu vực Đông Nam Á đã giành được độc lập.
- B. Trên thế giới xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác khu vực có hiệu quả.
- C. Các cường quốc tìm cách tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á.
- D. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam đã hoàn toàn kết thúc.

Câu 15: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời **không** chịu tác động bởi nhân tố nào sau đây?

- A. Nhu cầu liên kết, hợp tác khu vực.
- B. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

C. Xu thế toàn cầu hóa mạnh mẽ. D. Cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô.

Câu 16: Tổ chức ASEAN được thành lập tại quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan B. Việt Nam C. Xin-ga-po D. Cam-pu-chia

Câu 17: Năm 1961, ở khu vực Đông Nam Á, tổ chức nào sau đây được thành lập?

A. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va B. Hiệp hội Đông Nam Á

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á D. Cộng đồng kinh tế châu Âu

Câu 18: Năm 1967, ở khu vực Đông Nam Á, tổ chức nào sau đây được thành lập?

A. Cộng đồng than- thép châu Âu B. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á D. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương

Câu 19: Tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh

A. mâu thuẫn giữa một số nước trong khu vực Đông Nam Á đã được giải quyết.

B. một số tổ chức liên kết khu vực ở Đông Nam Á đã được hình thành trước đó.

C. xu thế liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra với quy mô lớn.

D. hầu hết các nước Đông Nam Á đều hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

Câu 20: Sự kiện lịch sử nào sau đây diễn ra trong thời kì trật tự hai cực I-an-ta xác lập và phát triển?

A. Việt Nam gia nhập ASEAN.

B. Hiến chương ASEAN được thông qua.

C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ.

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập.

Câu 21: Tháng 8 - 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

A. Toàn cầu hóa

B. Hòa hoãn Đông – Tây

C. Đa cực, nhiều trung tâm

D. Liên kết khu vực

Câu 22: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ra đời trong bối cảnh nào sau đây?

A. Ba nước Đông Dương đang tiến hành đổi mới.

B. Trật tự thế giới đa cực chi phối quan hệ quốc tế.

C. Tất cả các nước thuộc địa đã giành được độc lập.

D. Cục diện chiến tranh lạnh đang bao trùm thế giới.

Câu 23: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời năm 1967 nhằm đáp ứng nhu cầu

A. tạo sự cân bằng sức mạnh với Mỹ.

B. tăng cường sức mạnh quân sự.

C. đoàn kết để giải phóng dân tộc.

D. hợp tác để cùng phát triển.

Câu 24: Điều kiện tiên quyết đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên

A. đều có nền kinh tế phát triển.

B. đều đã giành được độc lập.

C. có sự tương đồng về ngôn ngữ và văn hóa.

D. đều chịu ảnh hưởng của các cường quốc.

Câu 25: Một trong những mục tiêu quan trọng của tổ chức ASEAN là

A. xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn lạc hậu. B. xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.

C. xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự. D. tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa

Câu 26: Tổ chức ASEAN xác định mục tiêu thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực thông qua việc

A. tôn trọng công lý và luật pháp quốc tế

B. đề cao công tác nghiên cứu Đông Nam Á

C. giúp đỡ lẫn nhau về mặt kinh tế, văn hóa

D. ra sức mở rộng quan hệ với các cường quốc

quốc

Câu 27: Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

A. phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung.

B. nhất thể hóa về kinh tế, chính trị, đối ngoại, an ninh toàn Đông Nam Á

C. củng cố quan hệ chính trị, giúp đỡ các nước Đông Dương giành độc lập.

D. thủ tiêu mọi mâu thuẫn và tranh chấp ở tất cả các quốc gia trong khu vực.

Câu 28: Sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu ASEAN đã phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10?

- A.** Việt Nam gia nhập ASEAN
B. Cam-pu-chia gia nhập ASEAN
C. Bản Hiến chương ASEAN được thông qua
D. Hiệp ước Ba-li được kí kết

Câu 29. Từ năm 1967 đến năm 1976 là giai đoạn tổ chức ASEAN

- A.** hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác quốc tế.
B. xây dựng và phát triển cộng đồng ASEAN vững mạnh.
C. thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức.
D. ra sức mở rộng thành viên và nâng cao vị thế quốc tế.

Câu 30. Từ năm 1967 đến năm 1976, ASEAN có hoạt động nào sau đây?

- A.** Thông qua bản Hiến chương ASEAN.
B. Ra tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập.
C. Lần lượt kết nạp Bru-nây và Việt Nam làm thành viên.
D. Ra tuyên bố về việc xây dựng Cộng đồng ASEAN.

II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai):

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việc Việt Nam tham gia ASEAN đã góp phần quan trọng thúc đẩy việc thành lập một ASEAN bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á, chấm dứt tình trạng chia rẽ, đối đầu, căng thẳng ở khu vực, mở ra một giai đoạn mới khác hẳn về chất của quan hệ giữa các quốc gia ở khu vực; mở rộng hợp tác vì hòa bình phát triển, để ASEAN thực sự là của Đông Nam Á và vì Đông Nam Á”.

(Học viện Ngoại giao, *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 292)

- a)** ASEAN bao gồm 10 nước Đông Nam Á được đánh dấu khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức.
- b)** Việt Nam gia nhập ASEAN đã mở ra giai đoạn mới trong quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực.
- c)** Việt Nam gia nhập ASEAN đã chấm dứt hoàn toàn mọi mâu thuẫn, tranh chấp giữa các quốc gia trong khu vực.
- d)** Sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN đã giúp mở ra giai đoạn hợp tác mới, vì hòa bình và phát triển cho toàn khu vực.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhất quán trong tư duy và hành động thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng và Nhà nước, Việt Nam đã và sẽ tiếp tục tham gia hợp tác ASEAN một cách tích cực, chủ động và có trách nhiệm, để góp phần xây dựng ASEAN trở thành một tổ chức liên kết chặt chẽ, đoàn kết và vững mạnh, có vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực”.

(Học viện Ngoại giao, *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 397)

- a) Theo đoạn tư liệu, Việt Nam là thành viên tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong việc xây dựng ASEAN trở thành tổ chức liên kết chặt chẽ.
- b) Nhằm góp phần xây dựng ASEAN phát triển và hoàn thiện hơn, Việt Nam sẽ giữ vai trò chủ đạo và quyết định mọi vấn đề của khu vực.
- c) Trải qua thời gian hình thành và phát triển, ASEAN ngày càng khẳng định được vị thế là tổ chức hợp tác ổn định và thịnh vượng nhất hành tinh.
- d) Là thành viên của ASEAN, các quốc gia phải có trách nhiệm tạo ra môi trường phát triển thuận lợi để hợp tác có hiệu quả trong khu vực và thế giới.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thời gian Việt Nam tham gia ASEAN tuy chưa phải là dài, song chúng ta có thể tự hào về những đóng góp quan trọng và dấu ấn Việt Nam. Trong 13 năm qua, Việt Nam đã đóng góp quan trọng trong việc xác định các phương hướng hợp tác và tương lai phát triển cũng như trong các quyết sách lớn của ASEAN, góp phần tăng cường đoàn kết và hợp tác cũng như nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Hiệp hội”.

(Học viện Ngoại giao, *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 394)

- a) Việt Nam đã đóng góp quan trọng trong việc xác định các phương hướng hợp tác của ASEAN.
- b) Trong quá trình phát triển, tổ chức ASEAN chỉ chú trọng những đóng góp và sáng kiến của Việt Nam đối với tổ chức.
- c) Các nước thành viên của ASEAN đã không ngừng phấn đấu và có những đóng góp quan trọng đưa ASEAN ngày càng phát triển.
- d) Mặc dù tham gia ASEAN chưa lâu, Việt Nam đã tạo dấu ấn quan trọng trong việc tăng cường đoàn kết và hợp tác trong khu vực.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngày 8 tháng 8 hàng năm, ngày ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đã trở thành sự kiện có ý nghĩa đặc biệt đối với tất cả 10 nước thành viên. Mỗi lần kỷ niệm sự kiện quan trọng này, người dân trong khu vực ASEAN không chỉ cảm thấy vui mừng về thành tựu ngày càng to lớn mà Hiệp hội đã đạt được mà còn tin tưởng hơn vào tương lai phát triển tốt đẹp của ASEAN. Mỗi năm qua đi ASEAN lại trưởng thành hơn, với mức độ liên kết sâu rộng hơn và vị thế quốc tế gia tăng hơn”.

(Học viện Ngoại giao, *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 391)

- a) Đoạn tư liệu đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của tổ chức ASEAN.
- b) Tổ chức ASEAN khi thành lập đã bao gồm 10 quốc gia thành viên trong khu vực.
- c) Vai trò và vị thế của tổ chức ASEAN ngày càng được khẳng định trên trường quốc tế, thể hiện được sự hợp tác toàn diện, ổn định và liên kết chặt chẽ.
- d) Trong quá trình hình thành và phát triển tổ chức ASEAN đạt được nhiều thành tựu to lớn nhờ vào sự đóng góp chung của các nước thành viên.

BÀI 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1: Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi

- A. ASEAN thành lập năm 1967.
- B. Campuchia ra nhập ASEAN.
- C. các nước kí hiệp ước Bali.
- D. Việt Nam ra nhập ASEAN.

Câu 2: Mục tiêu “xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á” được đề ra năm 1967 trong văn kiện nào sau đây của tổ chức ASEAN?

- A. Hiệp ước Ba-li.
- B. Tuyên bố Băng Cốc.
- C. Hiến chương ASEAN.
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 3: Năm 1997, văn kiện nào sau đây của tổ chức ASEAN đã được thông qua?

- A. Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập.
- B. Hiệp ước Thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á.
- C. Tuyên bố Cua-la Lăm-pua.
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 4: Văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN là

- A. Tuyên bố Ba-li II
- B. Tuyên bố Cua-la Lăm-pua
- C. Tầm nhìn ASEAN 2020.
- D. Tuyên bố Ba-li I

Câu 5: Một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là

- A. Đối ngoại – Tiền tệ
- B. Văn hóa – Xã hội
- C. Thể thao – Du lịch
- D. Giáo dục – Công nghệ

Câu 5: Sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập?

- A. Các nhà lãnh đạo ASEAN kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pua 2015.
- B. Hội nghị cấp cao ASEAN thông qua Tầm nhìn ASEAN 2020.
- C. Các nước sáng lập ASEAN thông qua Tuyên bố Băng Cốc 1967.
- D. Các nước ASEAN kí Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á.

Câu 6: Năm 2015, tổ chức ASEAN đã có hoạt động nào sau đây?

- A. Thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025

B. Thông qua Tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN II.

C. Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN.

D. Thống nhất chủ đề “Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động”.

Câu 7: Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN được thành lập nhằm mục tiêu nào sau đây?

A. Tạo ra một khối phòng thủ chung để bảo vệ các nước.

B. Tạo dựng môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực.

C. Tạo ra một thị trường và nền tảng sản xuất thống nhất.

D. Nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

Câu 8: Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập nhằm mục tiêu nào sau đây?

A. Xây dựng ASEAN thành khu vực kinh tế ổn định, thịnh vượng, cạnh tranh cao.

B. Xây dựng ASEAN thành khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh nhất thế giới.

C. Xây dựng ASEAN thành cộng đồng lấy con người và bình đẳng làm trung tâm.

D. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của khu vực, tạo dựng bản sắc ASEAN.

Câu 9: Một trong những nội dung của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

A. Xây dựng một xã hội chia sẻ, hòa thuận, đùm bọc lẫn nhau.

B. Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.

C. Tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực.

D. Thúc đẩy trao đổi văn hóa, đề cao thống nhất trong đa dạng.

Câu 10: Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN được thành lập nhằm mục tiêu nào sau đây?

A. Xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh cao và phát triển đồng đều

B. Xây dựng một khu vực năng động, có quan hệ rộng mở với bên ngoài.

C. Lấy con người làm trung tâm, xây dựng tình đoàn kết giữa các quốc gia.

D. Tạo ra sự di chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ đầu tư và luồng vốn.

Câu 11: APSC là tên viết tắt bằng tiếng Anh của

A. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

B. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

C. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 12: AEC là tên viết tắt bằng tiếng Anh của

A. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

B. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

C. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 13: Năm 2016, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua văn kiện nào sau đây?

A. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

B. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025.

C. Tầm nhìn ASEAN 2020

D. Hiến chương ASEAN.

Câu 14: Năm 2020, tổ chức ASEAN đã có hoạt động nào sau đây?

A. Thông qua văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025.

B. Kết nạp Đông Ti-mo là quốc gia thành viên thứ 11.

C. Tuyên bố chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN.

D. Thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 15: Trong quá trình hoạt động và phát triển, Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với thách thức nào sau đây?

A. Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo.

B. Quá trình hoàn thiện các thể chế, chính sách tiếp tục được đẩy mạnh.

C. Quan hệ với các đối tác bên ngoài khu vực ngày càng rộng mở.

D. Mức độ liên kết, hợp tác giữa các nước thành viên ngày càng sâu rộng

Câu 16: Sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển là một trong những thách thức của Cộng đồng ASEAN trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Quân sự

B. Chính trị

C. Kinh tế

D. Văn hóa

Câu 17: Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

A. Vai trò, vị thế của ASEAN đã được khẳng định trên trường quốc tế.

B. Cộng đồng ASEAN là tổ chức có quy mô kinh tế đứng đầu thế giới.

C. Dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đã được kiểm soát.

D. Sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo, văn hóa giữa các thành viên.

Câu 18: Ngay khi thành lập (1967), tổ chức ASEAN đã

- A. kí Hiệp ước Thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á.
- B. thông qua bản Hiến chương ASEAN.
- C. đề ra ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- D. ra Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập.

Câu 19: Văn kiện *Tầm nhìn ASEAN 2020* được thông qua đã đáp ứng được nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á

- A. gắn kết, hữu nghị, ổn định và hợp tác.
- B. nhất thể hóa, không có cạnh tranh.
- C. không có sự chênh lệch về trình độ phát triển.
- D. không chịu ảnh hưởng của các cường quốc.

Câu 20: “Toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một cộng đồng ASEAN, nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hóa của mình và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực” là nội dung của văn kiện nào sau đây của tổ chức ASEAN?

- A. Hiến chương ASEAN
- B. Tuyên bố Băng Cốc
- C. Tuyên bố Ba-li II
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 21: Văn kiện nào sau đây đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Tuyên bố Ba-li I
- B. Tuyên bố về Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập
- C. Hiến chương ASEAN
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 22: Văn kiện *Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015)* đã

- A. xác định nguyên tắc trong quan hệ giữa các nước.
- B. tạo hành lang pháp lý cho xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- C. vạch ra kế hoạch để xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- D. đánh dấu Cộng đồng ASEAN chính thức có hiệu lực.

Câu 23: Trong giai đoạn 2009 – 2015, các quốc gia thành viên của tổ chức ASEAN đã

- A. hoàn thiện đề xuất ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- B. tích cực chuẩn bị cho sự xác lập của Cộng đồng ASEAN.
- C. xóa bỏ hàng rào thuế quan trong buôn bán giữa các nước.
- D. xây dựng cơ sở pháp lý để thành lập Cộng đồng Am SEAN.

Câu 24: Trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015, tổ chức ASEAN **không** có hoạt động nào sau đây?

- A. Thông qua bản Hiến chương ASEAN.
- B. Chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN.
- C. Thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009 – 2015.
- D. Thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 25: Việc xây dựng Cộng đồng ASEAN **không** nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Đưa ASEAN thành tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng.
- B. Mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài thông qua nhiều khuôn khổ.
- C. Khiến các nước thành viên có sự ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý.
- D. Xóa bỏ khoảng cách và sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước.

Câu 26: “Tại Hội nghị Tư lệnh lực lượng quốc phòng các nước ASEAN lần thứ 20 (2023), lần đầu tiên ASEAN đề ra kế hoạch tổ chức tập trận chung”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, Bộ Cánh diều, tr.25)

Đoạn thông tin trên phản ánh nỗ lực của ASEAN trong việc xây dựng Cộng đồng

- A. Kinh tế.
- B. Văn hóa – Xã hội.
- C. Chính trị - An Ninh.
- D. Thể thao – Du lịch.

Câu 27: *Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN* là những văn kiện thể hiện nỗ lực của tổ chức ASEAN trong việc xây dựng Cộng đồng

- A. Kinh tế
- B. Chính trị - An ninh
- C. Văn hóa – Xã hội
- D. Giáo dục – Công nghệ

Câu 28: Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN **không** bao gồm nội dung cơ bản nào sau đây?

- A. Đảm bảo môi trường bền vững, tạo dựng bản sắc ASEAN.
- B. Phát triển con người, đảm bảo phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

C. Thu hẹp khoảng cách phát triển, xây dựng bình đẳng xã hội.

D. Hội nhập đầy đủ, sâu sắc vào nền kinh tế chung của toàn cầu.

Câu 29: Nội dung nào sau đây là thách thức của Cộng đồng ASEAN đến từ bên ngoài?

A. Sự chênh lệch đáng kể về thu nhập và trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên.

B. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

C. Sự khác biệt trong hệ thống chính trị và tôn giáo giữa các quốc gia trong Cộng đồng.

D. Sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề tạo sự cạnh tranh trong xuất khẩu.

Câu 30: Nội dung nào sau đây là thách thức của Cộng đồng ASEAN đến từ bên ngoài?

A. Sự chênh lệch đáng kể về thu nhập và trình độ phát triển giữa các quốc gia thành viên.

B. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

C. Sự khác biệt trong hệ thống chính trị và tôn giáo giữa các quốc gia trong Cộng đồng.

D. Sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề tạo sự cạnh tranh trong xuất khẩu.

Câu 31: ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng xây dựng Cộng đồng khi đã

A. đạt được những thành tựu nhất định trong quá trình phát triển.

B. kết nạp đầy đủ tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

C. xóa bỏ hết mâu thuẫn song phương và đa phương trong khu vực.

D. xóa bỏ hoàn toàn hàng rào thuế quan trong buôn bán giữa các nước.

Câu 32: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự thành lập Cộng đồng ASEAN?

A. Đáp ứng nguyện vọng phát triển của các quốc gia thành viên.

B. Đưa sự hợp tác toàn diện giữa các nước lên một nấc thang mới.

C. Góp phần định hướng cho sự phát triển của ASEAN trong tương lai.

D. Đánh dấu sự hoàn thiện về thể chế, chính sách hợp tác của ASEAN.

Câu 33: Nhận xét nào sau đây là đúng về quá trình thành lập Cộng đồng ASEAN?

A. Cộng đồng ASEAN ra đời là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài.

B. Sự tương đồng về thể chế chính trị là cơ sở thành lập Cộng đồng ASEAN.

C. Quá trình thành lập Cộng đồng ASEAN không chịu tác động từ bên ngoài.

D. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được đề ra ngay khi thành lập tổ chức.

Câu 34: Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở để xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN?

A. Thành quả hợp tác chính trị - an ninh đã đạt được.

B. Các nguyên tắc cơ bản tổ chức ASEAN xây dựng

C. Các cơ sở pháp lý mà các nước thành viên thông qua.

D. Sự tương đồng về thể chế chính trị giữa các nước.

Câu 35: Nội dung nào sau đây là cơ sở để thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN?

A. Những thành tựu trong việc xóa bỏ hàng rào thuế quan.

B. Các chương trình hợp tác kinh tế ASEAN đã thực hiện.

C. Sự tương đồng về năng lực sản xuất giữa các nước.

D. Các yếu tố cạnh tranh trong kinh tế đã bị xóa bỏ.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng ASEAN ra đời là bước chuyển mới về chất của một ASEAN gắn kết, chia sẻ lợi ích và phát triển thịnh vượng chung với sự liên kết chặt chẽ trên cả ba trụ cột về Chính trị - An ninh, Kinh tế và Văn hóa – Xã hội, thể hiện vai trò và vị thế ngày càng cao của ASEAN trong khu vực và trên thế giới. Sự hình thành Cộng đồng ASEAN là dấu ấn lịch sử, ghi nhận một chặng đường phấn đấu không mệt mỏi của ASEAN; đồng thời, chuẩn bị nền tảng, định hướng và khuôn khổ cho ASEAN vững tin bước vào giai đoạn mới – giai đoạn củng cố vững mạnh. Cộng đồng hướng tới các mục tiêu liên kết cao hơn với những lợi ích cụ thể, thiết thực cho cả khu vực và từng nước thành viên mà bao trùm là giữ được môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác vì phát triển và thịnh vượng”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ chân trời sáng tạo, tr.32)

- a. Cộng đồng ASEAN được thành lập dựa trên ba trụ cột là Chính trị - An ninh, Kinh tế và Văn hóa – Xã hội.
- b. Sự thành lập Cộng đồng ASEAN đánh dấu vai trò và vị thế của ASEAN bước đầu được khẳng định trong khu vực và trên thế giới.
- c. Bản chất của việc thành lập Cộng đồng ASEAN là đưa ASEAN trở thành một tổ chức có mức độ liên kết cao hơn nhằm hướng tới mục tiêu cuối cùng là hòa bình, ổn định và phát triển thịnh vượng.
- d. Sự thành lập Cộng đồng ASEAN là kết quả tất yếu của quá trình liên kết ASEAN trong một thời gian dài, phát triển từ thấp đến cao.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC) xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm; có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung; xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hòa thuận và rộng mở, nơi cuộc sống và phúc lợi của người dân được nâng cao. Trên cơ sở đó, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2024), Kế hoạch tổng thể xây dựng ASCC được thông qua, gồm 6 nội dung chính. Các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ kế hoạch tổng thể xây dựng ASCC đang được thúc đẩy trên nhiều lĩnh vực. Về phát triển con người, ASEAN khuyến khích phát triển giáo dục suốt đời và sử dụng công nghệ thông tin làm phương tiện thúc đẩy nền giáo dục ASEAN.”

(Dẫn theo Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ cánh diều, tr.26)

- a. ASCC là tên viết tắt bằng tiếng Anh của Cộng đồng ASEAN, được thành lập vào năm 2015.
- b. Khuyến khích phát triển giáo dục suốt đời, sử dụng công nghệ thông tin để thúc đẩy giáo dục là một trong những nội dung nhằm phát triển con người của Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN.
- c. Một trong những mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN là phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tăng cường ý thức cộng đồng.
- d. Mức độ liên kết trong Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sẽ đi sau liên kết trong Cộng đồng Kinh tế và tùy thuộc vào mức độ nguồn lực có thể huy động được.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi, mức độ hợp tác kinh tế, thương mại,...

Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm: tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.28)

- a. Một trong những nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là xây dựng Đông Nam Á thành khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, phát triển đồng đều.
- b. Cộng đồng Kinh tế ASEAN là một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN, bao gồm: Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng An ninh – Chính trị và Cộng đồng Văn hóa – Giáo dục.
- c. Sự thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vừa là kết quả, vừa là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây.
- d. Về bản chất, Cộng đồng Kinh tế ASEAN là một không gian kinh tế trên nền tảng của Khu vực Mậu dịch tự do, được mở rộng về phạm vi và nâng cao về mức độ tự do hóa.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ASEAN ra đời nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng; Thúc đẩy hòa bình, ổn định khu vực thông qua tôn trọng luật pháp quốc tế”.

- a) Mục đích ban đầu của Tổ chức ASEAN là hợp tác chính trị, tiền đề giữa các nước thành viên.
- b) ASEAN ra đời với mục tiêu chính là hợp tác về kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các nước thành viên.

c) ASEAN ra đời nhằm liên minh phòng thủ chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.

d. ASEAN là Tổ chức liên kết kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các nước khu vực Đông Bắc Á.

Câu 5. Cho bảng dữ kiện về Quá trình phát triển của ASEAN

Năm	Quốc gia gia nhập ASEAN
1967	Thái Lan, Malaysia, Philipin, Indonesia, Singapo thành lập ASEAN
1984	Bruinei
1995	Việt Nam
1997	Lào và Mianma
1999	Campuchia

a) ASEAN được sáng lập bởi tất cả các quốc gia khu vực Đông Nam Á

b) Hành trình phát triển của Tổ chức ASEAN từ ASEAN 5 lên ASEAN 10 trải qua hơn 30 năm.

c) Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN

d) ASEAN do các quốc gia Đông Nam Á nằm trên bán đảo Đông Dương sáng lập.

BÀI 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

1.1. Nhận biết

Câu 1: Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Trị.
- C. Thái Nguyên, Hải Dương, Bắc Giang, Quảng Nam.
- D. Quảng Trị, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Hà Tiên.

Câu 2: Ngày 13- 8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đã ban hành văn bản có tên gọi là gì?

- A. Tuyên ngôn độc lập.
- B. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
- C. Bản “Quân lệnh số 1”.
- D. Hịch cứu nước.

Câu 3: Nguyên nhân khách quan nào đưa tới thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất.
- B. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Đông Dương.
- C. Sự chuẩn bị chu đáo của Đảng cộng sản Đông Dương và nhân dân.
- D. Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít.

Câu 4: Sự kiện nào sau đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?

- A. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945).
- B. Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (8-1945).
- C. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (8-1945)
- D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1-1946).

Câu 5: Ngày 30 - 8 - 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị là sự kiện đánh dấu

- A. Nhiệm vụ dân tộc của cách mạng hoàn thành.
- B. Nhiệm vụ dân chủ của cách mạng hoàn thành.
- C. Chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ.
- D. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.

Câu 6: Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam giành chính quyền từ tay

- A. Phát xít Nhật
- B. thực dân Pháp
- C. vua Bảo Đại
- D. thực dân Anh

Câu 7: ngày 19-8-1945, nhân dân Việt Nam đã tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở địa phương nào sau đây?

A. Huế. B. Hà Nội. C. Hà Tiên. D. Sài Gòn.

Câu 8: Tổ chức nào sau đây giữ vai trò đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh.
- B. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.
- C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 9: Một trong những địa phương giành chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. Hà Nội. B. Bắc Giang. C. Hà Tiên. D. Sài Gòn.

Câu 10: Ngày 19 – 8 – 1945 gắn với sự kiện chính trị trọng đại nào của dân tộc Việt Nam?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.
- B. Hà Tiên giành được chính quyền.
- C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- D. Giành chính quyền ở Hà Nội thành công.

Câu 11: Một trong những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Nam.
- C. Hưng Yên. D. Cao Bằng

Câu 12: Một trong những tỉnh cuối cùng giành được chính quyền trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Cần Thơ. B. Hà Tiên.
- C. Móng Cái. D. Lai Châu.

Câu 13: Ngày 13 – 8 - 1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố bản “Quân lệnh số 1” đã thông qua quyết định nào ?

- A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
- B. Phát động cao trào kháng Nhật.
- C. Phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước.
- D. Thống nhất lực lượng vũ Việt Nam.

Câu 14: Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (14 và 15 – 8 - 1945) đã thông qua kế hoạch nào ?

- A. Thống nhất các lực lượng vũ trang
- B. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
- C. Lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.
- D. Giải phóng dân tộc trong năm 1945.

Câu 15: Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ.
- B. Phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh.
- C. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- D. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 16: Đây là điều kiện chủ quan để Cách mạng tháng Tám bùng nổ ?

- A. Nhật đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương (9/3/1945).
- B. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật (6, 9/8/1945).
- C. Sự chuẩn bị đầy đủ của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (15/8/1945).

Câu 17: Sự kiện nào đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?

- A. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945).
- B. Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (8/1945).
- C. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (8/1945)
- D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1/1946).

Câu 18: Trước khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, lực lượng thân Nhật nào đã tồn tại ở Việt Nam?

A. Bọn Việt Quốc và Việt Cách.

B. Chính phủ kháng chiến Fulro.

C. Chính phủ Trần Trọng Kim.

D. Nhà nước Tin Lành Đê-ga.

Câu 19: Tổ chức nào đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám thành công ?

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Đảng Lao động Việt Nam.

D. Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 20: Hình thức đấu tranh chủ yếu được sử dụng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945) là ?

A. Vũ trang.

B. Chính trị.

C. Binh vận.

D. Nghị trường.

Câu 21: Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

A. chiến thắng của Liên Xô và phe Đồng minh.

B. sự chuẩn bị của Đảng trong 15 năm.

C. tinh thần đoàn kết của nhân dân.

D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 21: Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (từ ngày 16 - 17/8/1945) đã

A. thống nhất các lực lượng vũ trang trong cả nước.

B. phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

C. tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.

D. quyết tâm phối hợp với phe Đồng minh để chống phát xít.

Câu 22: Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã

A. đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến .

B. ảnh hưởng lớn đến thắng lợi của các địa phương khác.

C. khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa .

D. đánh dấu Cách mạng tháng tám giành được thắng lợi hoàn toàn.

Câu 23: Ngày 15-8-1945 diễn ra sự kiện gì tác động đến cách mạng Việt Nam?

A. Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

B. Mỹ tuyên chiến với Nhật, chiến tranh mở rộng .

C. Phát xít Đức đầu hàng chiến tranh kết thúc ở châu Âu.

D. Nhật đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.

Câu 23: Sự kiện nào dưới đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam đã sụp đổ hoàn toàn?

A. Giành được chính quyền ở Hà Nội.

B. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

C. Khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.

D. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.

Câu 24: Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trên thế giới?

A. Cách mạng tháng Tám (1945).

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký (1954)

C. Hiệp định Pa-ri được ký kết (1973)

D. Chính quyền Xô viết thành lập (1930-1931)

1931)

Câu 25: Đâu là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

B. Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản.

C. Nhật đầu hàng quân Đồng minh.

D. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô.

Câu 26: Trong cuộc Cách mạng tháng Tám (1945) nhân dân Việt Nam đã giành lại chính quyền từ tay kẻ thù nào?

A. Nhật.

B. Anh.

C. Pháp.

D. Mỹ.

1.2. Thông hiểu

Câu 1: 8 – 1945, thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Việt Nam xuất hiện khi

A. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

B. Liên Xô tiến công quân Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

C. Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

D. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 2: Đầu không phải là quyết định của Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945?

A. Tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng.

B. Thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa.

C. Thông qua 10 chính sách của Việt Minh.

D. Cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

Câu 3: Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam

A. diễn ra ngay khi Đảng cộng sản Việt Nam thành lập

B. không diễn ra dưới hình thức đấu tranh vũ trang.

C. được phát động ngay khi Hiệp định Pari được kí kết.

D. có sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Lực lượng cách mạng được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.

B. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

C. Quân đồng minh đã vào Đông Dương để giải giáp phát xít Nhật.

D. Đảng Cộng sản và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

Câu 5: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam vì đã

A. Lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật và tay sai.

B. lật đổ sự tồn tại hàng ngàn năm của chế độ phong kiến.

C. mở ra kỉ nguyên mới của dân tộc – kỉ nguyên độc lập, tự do.

D. gắn cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới

Câu 6: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam chủ trương phương pháp đấu tranh cơ bản là chính trị kết hợp với

A. đấu tranh vũ trang.

B. đấu tranh nghị trường.

C. đấu tranh báo chí.

D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 8: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước?

A. Lực lượng cách mạng củng cố, phát triển.

B. Tập dượt quần chúng đấu tranh.

C. Thúc đẩy thời cơ cách mạng chín muồi.

D. Báo hiệu giờ hành động quyết định đã đến.

Câu 9: Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc khi:

A. Nội các Nhật Bản thông qua các quyết định đầu hàng.

B. Đảng ta nhận được những thông tin về phát xít Nhật sắp đầu hàng.

C. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim bị khủng hoảng sâu sắc.

D. Phát xít Nhật chính thức đầu hàng đồng minh vô điều kiện.

Câu 10 : Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam?

A. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.

B. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

C. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu 11. Nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân và thế giới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ngày 2-9-1945?

A. Để khẳng định tính hợp pháp của chính phủ mới.

B. Để thay thế nền thống trị của Pháp- Nhật.

C. Để đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

D. Để sẵn sàng “đón tiếp” quân Đồng minh.

Câu 12: Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật và phong kiến, đưa nhân dân nắm chính quyền.

B. Góp phần vào chiến thắng của phe Đồng minh chống phát xít.

C. Mở ra một kỉ nguyên mới của dân tộc, kỉ nguyên độc lập, tự do.

D. Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

1.3. Vận dụng

Câu 1: Một trong bài học kinh nghiệm quan trọng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 còn nguyên vẹn giá trị đến ngày nay là

- A. tranh thủ sự ủng hộ của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.
- B. phát huy nội lực trong nước và tận dụng những điều kiện thuận lợi từ bên ngoài.
- C. xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- D. chú trọng và tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của dư luận thế giới.

Câu 2: Cách mạng tháng Tám đã để lại cho cách mạng Việt Nam bài học gì về chỉ đạo chiến lược cách mạng?

- A. Tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong một mặt trận dân tộc thống nhất.
- B. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.
- C. Luôn kết hợp giữa tổ chức và đấu tranh, làm cho đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng.
- D. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Câu 3: Nhận xét nào sau đây là đúng về cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Diễn ra gấp rút để đẩy lùi những nguy cơ lớn đối với cách mạng Việt Nam.
- B. Diễn ra trong điều kiện những nguy cơ của cách mạng đã được đẩy lùi.
- C. Diễn ra trên mọi địa bàn, khởi nghĩa nông thôn đóng vai trò quyết định.
- D. Diễn ra nhanh chóng trong điều kiện hoàn toàn có lợi cho cách mạng.

Câu 4: Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đều

- A. mang lại quyền lợi cho nhân dân lao động.
- B. diễn ra khi các cuộc chiến tranh thế giới đã kết thúc.
- C. có sự kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao.
- D. lực lượng chính trị giữ vai trò quan trọng.

Câu 5: Một trong những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945 - 1975) để vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là.

- A. xây dựng lực lượng ba thứ quân là nhiệm vụ hàng đầu.
- B. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- C. kết hợp giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
- D. kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Câu 6: Nội dung phản ánh nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng 8 ở Việt Nam?

- A. Giành chính quyền ở các đô thị lớn rồi tản về các nông thôn.
- B. Kết hợp giành chính quyền ở cả nông thôn và thành thị.
- C. Giành chính quyền ở nông thôn rồi bao vây tiến lên thành thị.
- D. Khởi nghĩa giành chính quyền ở trung ương rồi về địa phương.

Câu 7: Nhận xét nào sau đây là đúng về điểm tương đồng giữa Cách mạng tháng Tám (1945) và cuộc chiến tranh cách mạng (1945-1975) ở Việt Nam?

- A. đấu tranh nhằm bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. lật đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ ở Việt Nam.
- C. đấu tranh vì mục tiêu độc lập và thống nhất đất nước.
- D. góp phần làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Câu 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) thắng lợi

- A. đã đưa dân tộc ta vào hàng ngũ các nước tiên phong trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc.
- B. đã thể hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương.
- C. là kết quả thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao của nhân dân ta.

D. đã thể hiện sinh động nghệ thuật lấy ít địch nhiều, chớp thời cơ giành thắng lợi quyết định của Đảng.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã làm cho chúng ta trở nên một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới. Cách mạng Tháng Tám có ảnh hưởng trực tiếp và rất to đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào. Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân hai nước Miên, Lào cùng nổi lên chống đế quốc và đòi độc lập”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011; tr.26)

- a)** Cách mạng Tháng Tám có ảnh hưởng trực tiếp và rất to đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào
- b)** Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là nguồn cổ vũ cho các quốc gia - dân tộc đang mất độc lập tự do ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh
- c)** Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi mang tầm vóc thời đại, góp phần to lớn vào phong trào đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ của nhân loại
- d)** Đặt dấu mốc hoàn thành mục tiêu của cuộc đấu tranh suốt 87 năm (1858-1945) của dân tộc: phản đế quốc, bài phong kiến, diệt phát xít.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Hỡi các chiến sĩ và đội viên Quân giải phóng Việt Nam!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trong trận quân địch; đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước vũ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy kiên quyết tiến!

Hỡi nhân dân toàn quốc!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo Quân giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.421)

- a)** Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp đấu tranh của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.
- b)** Hình thái của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là nổ ra ở địa bàn đô thị sau đó toả ra các vùng nông thôn trên cả nước.
- c)** Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, lực lượng vũ trang có vai trò nòng cốt, xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị.
- d)** Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, lực lượng chính trị có vai trò nòng cốt, xung kích, hỗ trợ lực lượng vũ trang.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Ở Đông Dương ai sẽ tranh thủ được diễn biến tình hình mới sau sự đầu hàng của Nhật hoàng trước quân Đồng minh đây? Đảng Cộng sản Đông Dương là tổ chức duy nhất có chiến lược rành mạch và chiến thuật cụ thể. Nhờ vào máy liên lạc vô tuyến mà Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông đã biết tin quân Nhật đầu hàng. Do đó họ đã nắm lấy thời cơ,...”.

(P. Bờ-rô-sô, **D. Hê-mơ-ri**, Đông Dương: một nền thuộc địa nhập nhằng, 1848 – 1954, NXB Thế giới, Hà Nội, 2022, tr.516-519)

- a)** Đảng Cộng sản Đông Dương đã nắm được thời cơ Nhật - Pháp đầu hàng để tiến hành Tổng khởi nghĩa.
- b)** Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, tình hình chuyển biến rất nhanh chóng đòi hỏi phải tranh thủ được thời cơ giành chính quyền.
- c)** Các đảng phái chính trị ở Đông Dương đã tranh thủ thời cơ thuận lợi lãnh đạo khởi nghĩa nhân dân Việt Nam giành chính quyền.
- d)** Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự chủ động trong việc nắm bắt thời cơ, đề ra chiến thuật đúng đắn trong việc giành chính quyền.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Nghị quyết Đại hội Quốc dân tại Tân Trào ngày 16 và 17 – 8 – 1945]

"Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:

- a)** Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.
- b)** Thống nhất – thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy.
- c)** Kịp thời – kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.425)

a) Nghị quyết nhấn mạnh: sự lãnh đạo của Đảng cần đảm bảo nguyên tắc: tập trung, thống nhất, kịp thời.

b) Tình thế của cách mạng tháng Tám diễn ra trong thời gian ngắn, dù chưa chuẩn bị kỹ lưỡng cũng cần nhanh chóng chớp thời cơ.

c) Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam đã chuẩn bị đầy đủ cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

d) Nội dung của nghị quyết cho thấy Đảng khẳng định vai trò của nhân tố chủ quan và khách quan đều có tính quyết định trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. **S**

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà".

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập (năm 1945), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.3)

a) Vua Bảo Đại thoái vị đánh dấu chế độ thực dân và phong kiến ở Việt Nam sụp đổ hoàn toàn.

b) Đoạn tư liệu phản ánh đóng góp của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với phong trào cách mạng thế giới.

c) Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam là kết quả của quá trình thắng lợi từng bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn.

d) Sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chứng tỏ mô hình nhà nước trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng đã trở thành hiện thực.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết: Khôn khéo để tránh những sự không lợi cho ta [Việt Nam]. Kiên quyết để giành cho được nền hoàn toàn độc lập. Trên thế giới, sau cuộc chiến tranh này, một dân tộc quyết tâm và nhất trí đòi độc lập thì nhất định được độc lập. Chúng ta sẽ thắng lợi".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, Tr.561)

a) Sau khi phát xít Nhật đầu hàng, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở nước ta không còn gặp phải khó khăn, trở ngại nào nữa.

b) Trong cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

c) Cách mạng tháng Tám diễn ra nhanh chóng, không đổ máu, bằng biện pháp hòa bình.

d) Một trong những khó khăn, trở ngại cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở nước ta năm 1945 là quân Đồng minh chuẩn bị kéo vào Việt Nam.

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý **a),b),c),d)** học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Trong không khí trang nghiêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh trang trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử, tuyên bố với toàn thể nhân dân, với thế giới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập, tự do ra đời... Đến 15 giờ 30, toàn thể nhân dân tuyên thệ: kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh; cùng Chính phủ giữ quyền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược, dù có chết cũng cam lòng; nếu thực dân Pháp đến xâm lược lần nữa thì kiên quyết không đi lính cho Pháp, không làm cho Pháp, không bán lương thực cho Pháp, không đưa đường cho Pháp".

[Võ Nguyên Giáp, Những năm tháng không thể nào quên, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr. 29]

- a) Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập đã đưa tới sự ra đời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- b) Sau khi giành độc lập, nhân dân Việt Nam phải đối mặt với âm mưu quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp.
- c) Ngày độc lập (2-9-1945) có ý nghĩa cực kỳ trọng đại trong đời sống chính trị, tinh thần của dân tộc.
- d) Quyết tâm bảo vệ chế độ mới của nhân dân Việt Nam là yếu tố quyết định thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài sau Cách mạng tháng Tám (1945).

BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

NHẬN BIẾT

Câu 1. (NB) Đầu là bối cảnh lịch sử thế giới khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của nhân dân Việt Nam bùng nổ?

- A. hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.
- B. cách mạng Cuba đã giành được thắng lợi.
- C. xu thế hòa hoãn Đông - Tây đã xuất hiện.
- D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại.

Câu 2. (NB) Thuận lợi của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Quân Đồng minh vào nước ta giải giáp quân Nhật.
- B. Chính phủ cách mạng quản lí Ngân hàng Đông Dương.
- C. Quân Anh vào miền Nam giải giáp quân Nhật.
- D. Nhân dân ta giành được quyền làm chủ đất nước.

Câu 3. (NB) Một trong những thử thách của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Các nước đế quốc bao vây, cấm vận kinh tế.
- B. Những hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại
- C. Quân đội các nước Đồng minh lũ lượt kéo vào.
- D. Quân Tưởng hỗ trợ cho Pháp đánh Nam Bộ.

Câu 4. (NB) Một trong những nội dung của tình hình Việt Nam khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) nổ ra là

- A. nhân dân đã giành quyền làm chủ đất nước,
- B. cách mạng Cuba đã giành được thắng lợi.
- C. phải đối phó với cả Tưởng, Anh, Mỹ, Pháp.
- D. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Câu 5. (NB) Trong năm đầu sau khi được thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với khó khăn nào sau đây?

- A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện.
- B. Nguy cơ chiến tranh thế giới.
- C. Giặc ngoại xâm và nội phản.
- D. Phát xít Nhật còn mạnh.

Câu 6 (NB). Sự kiện nào đánh dấu thực dân Pháp mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai?

- A. Pháp xả súng vào đoàn mít tinh ở Sài Gòn – Chợ Lớn.
- B. Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.
- C. Pháp gửi tới hậu thư đòi giữ gìn trật tự ở Hà Nội.
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 7. (NB) Sau sự kiện Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ (23 – 9 -1945), Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có hành động nào sau đây?

- A. Đã tiến hành đàm phán khẩn cấp với Pháp.
- B. Tổ cáo hành vi của Pháp đến Liên hợp quốc.
- C. Đưa toàn bộ quân đội vào Nam chiến đấu.
- D. Huy động cả nước để chi viện cho Nam Bộ.

Câu 8. (NB) Cuộc kháng chiến chống thực Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
- B. Tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.
- C. Góp phần làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.
- D. Làm thất bại chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Câu 9. (NB) Đảng và Chính phủ Việt Nam quyết định chọn sách lược nào để đối phó với Pháp sau khi Hiệp ước Hoa – Pháp được kí kết (28/02/1946)?

- A. Kiên quyết đánh Pháp.
- B. Hòa hoãn, tránh xung đột.
- C. Hòa để tiến.
- D. Vừa đánh vừa đàm phán.

Câu 10. (NB) Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí bản Hiệp định Sơ bộ với đại diện chính phủ nước nào sau đây?

- A. Nhật Bản.
- B. Mỹ.
- C. Anh.
- D. Pháp.

Câu 11. (NB) Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với đại diện Chính phủ Pháp văn bản ngoại giao nào sau đây?

- A. Hiệp định Sơ bộ.
- B. Tạm ước Việt-Pháp.
- C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương.
- D. Hiệp định Pari về Việt Nam.

Câu 12. (NB) Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

- A. đoàn kết kháng chiến.
- B. vườn không nhà trống.
- C. toàn dân kháng chiến.
- D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 13. (NB) Đâu là một trong những thắng lợi quân sự tiêu biểu mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)?

- A. Chiến thắng An Lão.
- B. Chiến thắng Việt Bắc.
- C. Chiến thắng Ấp Bắc.
- D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 14. (NB) Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đưa lực lượng kháng chiến bước sang giai đoạn chủ động trên chiến trường chính.
- B. Bước đầu làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.
- C. Buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- D. Làm thất bại âm mưu bao vây, căn cứ Việt Bắc của Pháp.

Câu 15. (NB) Trong những năm 1946-1950, thắng lợi quân sự tiêu biểu nào của quân dân ta đã làm thất bại hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp?

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 16. (NB) Chiến dịch nào dưới đây là chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- A. Thượng Lào năm 1954.
- B. Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- D. Biên giới thu - đông năm 1950.

Câu 17. (NB) Trong thời kì 1945-1954, chiến thắng nào của quân dân Việt Nam đã làm phá sản kế hoạch Rove của thực dân Pháp?

- A. Điện Biên Phủ năm 1954.
- B. Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- C. Trung Lào năm 1953.
- D. Biên giới thu - đông năm 1950.

Câu 18. (NB) Tháng 10 – 1947, quân Pháp mở cuộc tấn công địa bàn nào sau đây?

- A. Sài Gòn.
- B. Điện Biên Phủ.
- C. Việt Bắc.
- D. Cao Bằng.

Câu 19. (NB) Về chính trị, những năm 1951-1953, ở Việt Nam diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Quân giải phóng miền Nam ra đời.
- B. Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.
- C. Đại hội Đại biểu lần II của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân.

Câu 20. (NB) Một trong những nội dung của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2-1951) là

- A. quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản.

- B. đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước.
- C. đề ra đường lối công nghiệp hóa đất nước.
- D. quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai.

Câu 21. (NB) Đại hội Đảng II (2/1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- C. Đảng Lao động Việt Nam.
- D. Đảng Dân chủ Việt Nam.

Câu 22. (NB) Trong những năm 1951-1953, quân dân Việt Nam đã mở chiến dịch quân sự nào sau đây?

- A. Việt Bắc. B. Biên Giới. C. Hoà Bình. D. Điện Biên Phủ.

Câu 23. (NB) Tổ chức nào sau đây được thành lập trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) ở Việt Nam?

- A. Mặt trận Việt Minh B. Mặt trận Liên Việt
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam. D. Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 24. (NB) Để phát triển hậu phương của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam, hoạt động nào sau đây diễn ra trong những năm 1951-1953?

- A. Đẩy mạnh sản xuất. B. Cải tạo xã hội chủ nghĩa.
- C. Tiến hành công nghiệp hóa. D. Đẩy mạnh hiện đại hóa.

Câu 25. (NB) Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 là

- A. kháng chiến và kiến quốc. B. kháng chiến và lao động.
- C. chiến đấu và sản xuất. D. kháng chiến và cải cách.

Câu 26. (NB) Mặt trận Liên Việt được ra đời trên cơ sở hợp nhất của những tổ chức nào?

- A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Liên Việt.
- B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương và Hội Liên Việt.
- C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Việt Minh.
- D. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

Câu 27. (NB) Trong giai đoạn 1951-1953, quân đội Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công nhằm

- A. giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- C. buộc Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam.
- D. buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.

Câu 28. (NB) Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 của quân dân Việt Nam đã

- A. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của Pháp.
- B. làm thất bại chiến tranh xâm lược của Mỹ.
- C. làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava của Pháp.
- D. đánh bại cuộc chiến tranh tổng lực của Mỹ.

Câu 29. (NB) Bước vào thu-đông 1953, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch quân sự nào sau đây ở Đông Dương?

- A. Kế hoạch Bôlae. B. Kế hoạch Nava.
- C. Kế hoạch Rove. D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

Câu 30. (NB) Nội dung của kế hoạch Nava do thực dân Pháp triển khai ở Việt Nam trong những năm 1953-1954, thuộc lĩnh vực nào sau đây?

- A. Văn hóa B. Giáo dục C. Y tế D. Quân sự

Câu 31. (NB) Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. sự ủng hộ toàn bộ về vũ khí, lương thực của Liên Xô và Trung Quốc.
- B. sự giúp đỡ không hoàn lại của các nước dân chủ nhân dân trên thế giới.
- C. sự ủng hộ và giúp đỡ của các quốc gia trong Phong trào không liên kết.
- D. sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 32. (NB) Nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

- A. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. B. viện trợ to lớn của Trung Quốc.
C. ba nước Đông Dương đoàn kết. D. phong trào phản đối chiến tranh.

Câu 33. (NB) Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam (1945 – 1954) có ý nghĩa quốc tế nào sau đây?

- A. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít của các lực lượng dân chủ.
B. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
C. Đã đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chủ nghĩa thực dân mới.
D. Mở đầu sự mở rộng về không gian của chủ nghĩa xã hội ở châu Á.

Câu 34. (NB) Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), nhân dân Việt Nam nhận được sự giúp đỡ của quốc gia châu Á nào sau đây?

- A. Chilê. B. Braxin. C. Trung Quốc. D. Cuba.

Câu 35. (NB) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít của các lực lượng dân chủ.
B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, Phi và khu vực Mỹ Latinh.
C. Đã đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chủ nghĩa thực dân mới.
D. Mở đầu sự mở rộng về không gian của chủ nghĩa xã hội ở châu Á.

Thông hiểu

Câu 1 (TH): Vì sao sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” ?

- A. Bị các nước đế quốc bao vây, cấm vận.
B. thực dân Pháp có dã tâm xâm lược nước ta.
C. phải đối mặt nhiều khó khăn, nhất là ngoại xâm, nội phản.
D. Chưa được nước nào công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao.

Câu 2 (TH): Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 nước ta phải đối mặt với nhiều kẻ thù, Pháp là kẻ thù nguy hiểm nhất vì

- A. Pháp có dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta lần 2.
B. Pháp giúp thực dân Anh xâm lược Việt Nam.
C. Pháp bắt tay với Tưởng để chống phá chính quyền của ta.
D. Được Mỹ giúp, Pháp âm mưu quay trở lại xâm lược Việt Nam.

Câu 3 (TH): Đầu là *không phải* là yếu tố thuận lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau cách mạng tháng Tám năm 1945?

- B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới đang hình thành.
C. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển.
D. Lực lượng Đồng minh vào nước ta giải giáp quân phiệt Nhật Bản.
A. Đất nước độc lập, tự do, nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước.

Câu 4 (TH): Sách lược đấu tranh chống ngoại xâm của ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám chứng tỏ

- A. Nhân dân ta quyết tâm xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.
B. Âm mưu xâm lược nước ta lần thứ hai của thực dân Pháp đã bị thất bại hoàn toàn.
C. Truyền thống yêu nước đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta đã được phát huy cao độ.

D. Đường lối chính trị sáng suốt, cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược của Đảng.

Câu 5 (TH): Mục đích chính khi thực dân Pháp gửi tới hậu thư cho Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 18-12-1946 là gì?

- A.** Khiêu khích, tạo cơ để tấn công miền Bắc Việt Nam.
- B.** Tuyên bố sẽ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- C.** Buộc Chính phủ nước Việt Nam phải cho Pháp đưa quân ra miền Bắc.
- D.** Tuyên bố quyền thống trị ở Việt Nam thuộc về nước Pháp.

Câu 6 (TH): Ta từ chối chấp nhận tới hậu thư của Pháp (ngày 18/12/1946) và phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp **không phải** vì lí do nào?

- A.** Độc lập, chủ quyền dân tộc bị xâm phạm.
- B.** Trái ngược với truyền thống lịch sử dân tộc.
- C.** Không phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.
- D.** Ta đã chuẩn bị đầy đủ và sẵn sàng cho cuộc chiến.

Câu 7 (TH): “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn: “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ ai là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”. Đoạn trích trên thể hiện tư tưởng nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A.** Tư tưởng “đoàn kết quốc tế”.
- B.** Tư tưởng “đại đoàn kết dân tộc”.
- C.** Tư tưởng “chiến tranh nhân dân”
- D.** Tư tưởng “độc lập - tự do”.

Câu 8 (TH): Tại sao ta chủ trương toàn dân kháng chiến chống Pháp?

- A.** Do địch đánh ta toàn diện.
- B.** Do chênh lệch lực lượng giữa ta và Pháp.
- C.** Để phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân đánh bại kẻ thù
- D.** Để thể hiện tinh thần đoàn kết, yêu nước của toàn dân.

Câu 9 (TH): Tại sao Pháp mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ 2 ở các đô thị ?

- A.** Nơi đây quân Pháp dễ tiến công.
- C.** Nơi đây ta yếu do xa căn cứ địa
- B.** Nơi tập trung các cơ quan đầu não của ta.
- D.** Nơi đây lực lượng ta và Pháp đều mạnh.

Câu 10 (TH): Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của quân dân ta ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 sử dụng cách đánh nào?

- A.** Đánh điểm diệt viện
- B.** Du kích vận động chiến
- C.** Chủ động tiến công, chủ động rút lui
- D.** Đánh phân tán

Câu 11 (TH) : Đầu không phải là ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947?

- A.** Bộ đội chủ lực của ta trưởng thành hơn trong chiến đấu.
- B.** Bảo vệ vững chắc căn cứ địa Việt Bắc và cơ quan đầu não của ta.
- C.** Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Rơ ve của Pháp, ta giành được thế chủ động trên chiến trường.
- D.** làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp, buộc Pháp chuyển sang đánh lâu dài.

Câu 12 (TH): Vì sao ta chọn đánh Đông Khê để mở màn chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950?

- A.** Đông Khê có vị trí chiến lược nhưng Pháp ở đây yếu.
- B.** Vì quân Pháp không có sự đề phòng ở Đông Khê.
- C.** Đông Khê là vị trí không quan trọng đối với Pháp.
- D.** Đông Khê là nơi tập trung quân đông nhất của Pháp.

Vận dụng

Câu 1 (VD). Thực tiễn cho thấy đỉnh cao nghệ thuật quân sự Việt Nam qua hai chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và Hồ Chí Minh (1975) là sự phát triển của

- A. chiến tranh du kích, vận động ngắn ngày.
- B. lối đánh công kiên vận động chiến.
- C. cách đánh lấy thế thắng lực.
- D. xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân.

Câu 2 (VD). Ở Việt Nam, hoạt động quân sự của thực dân Pháp trong những năm 1953-1954 có điểm gì mới so với những năm 1951-1953?

- A. Có sự phân tán sức mạnh ra nhiều hướng khác nhau trong quá trình triển khai.
- B. Có sự quyết tâm trong quá trình thực hiện nhằm giành thắng lợi trong chiến tranh.
- C. Có sự tham gia nòng cốt của lực lượng vũ trang trong các cuộc hành quân.
- D. Có sự kết hợp của tiềm lực trong nước và nước ngoài trong quá trình thực hiện.

Câu 3 (VD). Nhận xét nào sau đây không đúng về chiến thắng Biên giới thu-đông năm 1950 của Việt Nam?

- A. Là chiến dịch quân sự đầu tiên do ta chủ động mở.
- B. Đánh bại hoàn toàn kế hoạch Rove của thực dân Pháp.
- C. Quân đội ta giành được chủ động trên chiến trường chính.
- D. Tạo thế mạnh cho ta trên bàn đấu tranh ngoại giao

Câu 4 (VD). Thắng lợi của các chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947, Biên giới thu-đông 1950, Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam đã

- A. thể hiện sự phát triển từ chiến tranh chính quy lên kết hợp với chiến tranh chính quy và du kích.
- B. làm thất bại mọi âm mưu quân sự của đối phương, qua đó làm thất bại âm mưu chính trị của chúng.
- C. từng bước đè bẹp ý chí xâm lược của đối phương và hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
- D. làm thất bại mọi âm mưu của đối phương, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

Câu 5 (VD). Nhận xét nào sau đây đúng về cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1945-1954) ở Việt Nam?

- A. Đấu tranh chính trị đóng vai trò quyết định ngay từ khởi đầu cho đến kết thúc chiến tranh.
- B. Chiến trường của cuộc kháng chiến được phân tuyến một cách rõ ràng giữa ta và địch.
- C. Tiến công địch ở mọi lúc, mọi nơi, kết hợp mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch.
- D. Phương châm kháng chiến là đánh nhanh thắng nhanh, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.

Câu 6 (VD). Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng một trong những ý nghĩa của chiến thắng Biên giới thu-đông năm 1950 của quân dân Việt Nam?

- A. Tạo cơ sở để đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Là chiến dịch điển hình cho lối đánh du kích của bộ đội chủ lực.
- C. Đánh dấu sự chuyển hóa về quyền chủ động trên chiến trường.
- D. Là trận phản công lớn đầu tiên do quân chủ lực chủ động mở.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG-SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chỉ sau 21 ngày nước nhà được độc lập, thực dân Pháp đã tâm xâm chiếm nước ta một lần nữa. Ngày 23-9-1945, chúng nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, quân và dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên, quyết chiến với thực dân xâm lược. Sự kiện ngày Nam Bộ kháng chiến là biểu tượng sáng ngời của lòng yêu nước, ý chí bảo vệ độc lập, tự do; là dấu son lịch sử thể hiện tinh thần quật cường, hào khí của quân và dân Nam bộ; xứng đáng với danh hiệu vẻ vang “Thành đồng Tổ quốc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao tặng”.

(Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.40)

- a) Đoạn tư liệu nói về cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược Nam Bộ lần thứ nhất (1945).
- b) Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.
- c) Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.
- d) Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ góp phần to lớn trong công cuộc giữ vững chính quyền cách mạng, chủ quyền dân tộc.

a) S b) Đ c) Đ d) Đ

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“7 giờ 20 ngày 16-9, bộ đội ta đã bắt đầu đánh vào thị trấn Đông Khê (Cao Bằng), mở chiến dịch mùa thu 1950. Chiến dịch này là một trong những hành động để chuẩn bị chuyển sang giai đoạn mới, nhưng tuyệt đối không phải là một chiến dịch mở đầu cho giai đoạn tổng phản công.”

(Văn kiện Đảng toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị Quốc gia – Hà Nội 2001, Tr. 484)

- a) Đông Khê là trận mở màn của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- b) Biên giới thu đông năm 1950 là chiến dịch chủ động phản công lớn đầu tiên của quân đội Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).
- c) Từ thắng lợi Biên giới, quân đội Việt Nam đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
- d) Thắng lợi của chiến dịch Biên giới, ta đã thấy rõ ưu điểm và khuyết điểm. Từ đó phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

a) Đ b) S c) Đ d) Đ

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đảng Lao động Việt Nam ở đâu mà ra? Ở Đảng Cộng sản Đông Dương mà ra. Chúng tôi đề nghị Đảng bộ Việt Nam của Đảng cộng sản Đông Dương, nay đứng ra tách thành một đảng riêng ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam”.

(Văn kiện Đảng toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia – Hà Nội 2001, Tr. 156)

- a) Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai với tên gọi là Đảng Lao động Việt Nam.
- b) Từ Đại hội Đảng II, Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- d) Đảng Cộng sản Đông Dương tách ra thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng riêng để có cương lĩnh phù hợp với đặc điểm phát triển của từng dân tộc.
- c) Đại hội đại biểu lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng.

a) Đ b) S c) Đ d) Đ

Câu 4. Cho bảng thông tin sau:

Thắng lợi quân sự tiêu biểu	Thời gian	Kết quả-Ý nghĩa
Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16	Từ ngày 19-12-1946 đến ngày	Giam chân quân Pháp trong gần 2 tháng, làm thất bại một bước kế hoạch

	17-2-1947	“đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.
Việt Bắc	Từ ngày 7-1-1947 đến ngày 22-12-1947	Quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc, kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp phá sản hoàn toàn.
Biên Giới	Từ ngày 16-9-1950 đến ngày 20-10-1950	Khai thông biên giới Việt-Trung, lực lượng kháng chiến giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
Điện Biên Phủ	Từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954	Tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên Phủ, đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, tạo cơ sở cho đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

- a) Chiến dịch Việt Bắc đã làm phá sản bước đầu kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc Pháp chuyển sang đánh lâu dài.
b) Chiến dịch Điện Biên Phủ là một trận tiêu diệt điển hình nhất, trực tiếp đưa đến việc ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.
c) Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 là mốc mở đầu sự thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).
d) Chiến dịch Việt Bắc, Biên giới, Điện Biên Phủ đều là những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, cho thấy sự chuyển biến về thế và lực của cuộc kháng chiến.

a) S b) Đ c) S d) Đ

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhờ sự đoàn kết chặt chẽ và anh dũng hy sinh của toàn quân và dân ta, chúng ta đã đại thắng ở Điện Biên Phủ vào mùa hè năm 1954...Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”.

(Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr.40)

- a) Đoạn tư liệu nói về chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam trước thực dân Pháp năm 1954.
b) Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) có ý nghĩa to lớn với phong trào cách mạng thế giới.
c) Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) của Việt Nam chứng tỏ một nước thuộc địa nhỏ yếu cũng có thể đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh.
d) Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) của Việt Nam đã góp phần vào chiến thắng phát xít của lực lượng Đồng minh.

a) Đ b) Đ c) Đ d) S

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án

Câu 1. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. quân đội Trung Hoa dân quốc.
B. thực dân Pháp và quân tay sai.
C. chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
D. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm.

Câu 2. Thắng lợi nào của nhân dân miền Nam đã đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. Đồng Khởi. B. Bác Ái. C. Ấp Bắc. D. Vạn Tường.

Câu 3. Một trong những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc những năm 1954-1957 là

- A. hoàn thành cải cách ruộng đất.

- B. xây dựng bước đầu cơ sở vật chất.
- C. phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- D. tiến hành đổi mới đất nước.

Câu 4. Âm mưu cơ bản của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. đưa quân Mỹ vào chiến trường Việt Nam.
- B. phá hoại các cơ sở kinh tế của đất nước ta.
- C. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- D. biến nước ta thành thị trường riêng của Mỹ.

Câu 5. Trong những năm 1958-1960 miền Bắc đã đạt được những thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

- A. Tiến hành 6 đợt giảm tô bốn đợt cải cách ruộng đất.
- B. Thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng trên thực tế.
- C. Xóa bỏ hoàn toàn mọi cách áp bức bóc lột công trong xã hội.
- D. Cải tạo quan hệ sản xuất bước đầu phát triển kinh tế xã hội.

Câu 6. Một trong những hình thức đấu tranh chống Mỹ trong giai đoạn 1954-1958 của nhân dân miền Nam Việt Nam là

- A. đấu tranh chính trị.
- B. đấu tranh vũ trang.
- C. sử dụng bạo lực.
- D. đấu tranh bạo động.

Câu 7. Nghị quyết 15 của Đảng Lao Động Việt Nam (1 – 1959) đã quyết định để nhân dân miền Nam đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm bằng hình thức nào?

- A. Sử dụng bạo lực cách mạng.
- B. Đấu tranh chính trị tư tưởng.
- C. Tiến hành chiến tranh tổng lực.
- D. Đấu tranh ngoại giao nhân dân.

Câu 8. Phong trào Đồng Khởi (1959-1960) nổ ra đầu tiên ở tỉnh nào?

- A. Long An.
- B. Bến Tre.
- C. Tiền Giang.
- D. Tây Ninh.

Câu 9. Trong những năm 1954-1960 sự kiện nào sau đây đánh dấu cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn sang thế tiến công?

- A. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi.
- B. Thắng lợi của chiến thắng Vạn Tường.
- C. Thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc.
- D. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới.

Câu 10. Phong trào Đồng Khởi (1959-1960) ở miền Nam có ý nghĩa

- A. đẩy lên phong trào “tìm Mỹ mà đánh lòng Ngụy mà diệt”.
- B. đẩy lên phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”.
- C. buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh Việt Nam.
- D. giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

Câu 11. Phong trào Đồng Khởi (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Đẩy lên phong trào “tìm Mỹ mà đánh lòng Ngụy mà diệt”.

- B.** Dấy lên phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”.
- C.** Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh Việt Nam.
- D.** Đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn sang thế tiến công.

Câu 12. Phong trào Đồng Khởi (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam thắng lợi đã đưa đến sự ra đời của tổ chức nào sau đây?

- A.** Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam.
- B.** Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- C.** Mặt trận Liên hiệp Quốc gia Việt Nam.
- D.** Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương.

Câu 13. Thắng lợi của chiến dịch nào là mốc kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam?

- A.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- B.** Chiến dịch Tây Nguyên.
- C.** Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- D.** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 14. Những năm 1961 - 1965 Mỹ thực hiện chiến lược Chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A.** Chiến tranh đơn phương.
- B.** Chiến tranh đặc biệt.
- C.** Chiến tranh cục bộ.
- D.** Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 15. Lực lượng chủ yếu trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam là

- A.** quân đội Anh.
- B.** quân đội Mỹ.
- C.** quân đội Pháp.
- D.** quân đội Sài Gòn.

Câu 16. Xương sống của chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

- A.** áp chiến lược.
- B.** trục thẳng vận.
- C.** thiết xa vận.
- D.** bình định, lấn chiếm.

Câu 17. Trong giai đoạn (1961- 1965) chiến thắng quân sự nào sau đây mở ra khả năng đánh đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt?

- A.** Ấp Bắc.
- B.** Vạn Tường.
- C.** Đồng Khởi.
- D.** Núi Thành.

Câu 18. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mỹ là

- A.** Bình Giã.
- B.** Việt Bắc.
- C.** Điện Biên Phủ.
- D.** Biên Giới.

Câu 19. Sau khi thất bại của chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược chiến tranh nào?

- A.** Chiến tranh đơn phương.
- B.** Chiến tranh cục bộ.
- C.** Việt Nam hóa chiến tranh.
- D.** Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 20. Chiến thuật nào sau đây được Mỹ sử dụng trong Chiến tranh cục bộ ở miền Nam Việt Nam (1965-1968)?

- A.** Tìm diệt và bình định.
- B.** Đánh chắc tiến chắc.
- C.** Bình định lấn chiếm.
- D.** Tràn ngập lãnh thổ.

Câu 21. Một trong những thắng lợi của quân dân ta trong chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1965-1968)?

- A.** Đồng Xoài.
- B.** Quảng Trị.
- C.** Đông Nam Bộ.
- D.** Vạn Tường.

Câu 22. Ý nghĩa nổi bật của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 ở miền Nam Việt Nam là

- A.** giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

B. buộc Mỹ ký hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

C. làm phá sản chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.

D. buộc Mỹ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 23. Sau khi thất bại trong chiến lược Chiến tranh cục bộ Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược nào?

A. Chiến tranh đơn phương. **B.** Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh một phía. **D.** Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 24. Lực lượng quân sự giữ vai trò chủ yếu trong Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

A. quân đội Tây Ban Nha. **B.** quân đồng minh của Mỹ.

C. quân đội Sài Gòn. **D.** quân đội Ba Lan.

Câu 25. Trong cuộc chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1968-1973) quân dân miền Nam giành thắng lợi trên ba mặt trận nào?

A. Quân sự, chính trị, ngoại giao. **B.** Văn hóa, chính trị, quân sự.

C. Kinh tế, chính trị, văn hóa. **D.** Y tế, văn hóa, giáo dục.

Câu 26. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của nhân dân miền Nam Việt Nam thắng lợi buộc Mỹ phải

A. tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.

B. thừa nhận sự thất bại của Chiến tranh đặc biệt.

C. tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. thừa nhận sự thất bại của Chiến tranh cục bộ.

Câu 27. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 quân ta đã chọc thủng một trong những tuyến phòng thủ mạnh nhất của chính quyền Sài Gòn là

A. Quảng Trị. **B.** Huế- Đà Nẵng. **C.** Tây Ninh. **D.** Sài Gòn.

Câu 28. Một trong những thắng lợi tiêu biểu về chính trị trong chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của quân dân miền Nam Việt Nam (1969-1973) là

A. tiến hành hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

B. miền Bắc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm hậu phương lớn.

C. miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần hai của Mỹ.

D. buộc Mỹ phải ký kết hiệp định Gionevơ chấm dứt chiến tranh.

Câu 29. Thắng lợi nào của nhân dân miền Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ đánh cho Mỹ cút?

A. Chiến thắng Phước Long đầu năm 1975.

B. Cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972.

C. Đại thắng mùa xuân năm 1975.

D. Hiệp định Pari được ký kết năm 1973.

Câu 30. Sau năm 1973 chính quyền Sài Gòn ở miền Nam đã tiến hành phá hoại Hiệp định Pari bằng chiến dịch nào?

A. Tràn ngập lãnh thổ. **B.** Tàn diệt và bình định.

C. Lập ấp chiến lược. **D.** Giành đất chiếm dân.

Câu 31. Một trong những thắng lợi quân sự của quân dân miền Nam cuối năm 1974 đầu năm 1975 là

A. chiến thắng đường 14 Phước Long.

B. chiến thắng Đường 9 Bắc Lào.

C. chiến thắng đường số 4 Cao Bằng.

D. chiến thắng tuyến đường Trường Sơn.

Câu 32. Thắng lợi nào buộc Mỹ phải ký hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A.** Trận đánh Điện Biên Phủ. **B.** Trận “Điện Biên Phủ trên không”.
C. Trận Phay Khắt- Nà Ngần. **D.** Trận đánh Buôn Ma Thuột.

Câu 33. Sau chiến thắng Đường 14 – Phước Long đầu năm 1975 của quân dân miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn có phản ứng nào sau đây?

- A.** Tiến công lên Việt Bắc. **B.** Đưa quân đến hòng chiếm lại.
C. Tiến công lên Đông Khê. **D.** Tiến công lên Tây Bắc.

Câu 34. Trận đánh then chốt của quân giải phóng trong chiến dịch Tây Nguyên năm 1975 là

- A.** trận Huế Đà Nẵng. **B.** trận Điện Biên Phủ.
C. trận Đông Nam Bộ. **D.** trận Buôn Ma Thuột.

Câu 35. Thắng lợi của chiến dịch nào sau đây đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam kết thúc?

- A.** Chiến dịch Huế Đà Nẵng. **B.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.
C. Chiến dịch Tây Nguyên. **D.** Chiến dịch Đông Nam Bộ.

Câu 36. Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai (1972) trước nguy cơ phá sản của chiến lược chiến tranh nào?

- A.** Chiến tranh đơn phương. **B.** Việt Nam hóa chiến tranh.
C. Chiến tranh đặc biệt. **D.** Chiến tranh cục bộ.

Câu 37. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) diễn ra trong bối cảnh quốc tế là

- A.** Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
B. chiến tranh lạnh tiếp tục căng thẳng.
C. xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện.
D. Liên Xô lâm vào khủng hoảng.

Câu 38. Bối cảnh lịch sử nào sau đây ở trong nước là nguyên nhân dẫn đến bùng nổ của kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975?

- A.** Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.
B. Miền Bắc giải phóng tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ cách mạng cả nước.
C. Miền Nam dưới ách thống trị của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm.
D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở Á, Phi và Mĩ La tinh.

Câu 39. Để tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam, Mỹ đã

- A.** tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
B. ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam.
C. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
D. sử dụng chiến thuật “tìm diệt” và “bình định”.

Câu 40. Thủ đoạn chính của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam (1965-1968) là gì?

- A.** Bình định lần chiếm. **B.** Càn quét lần chiếm.
C. Lập ấp chiến lược. **D.** Tìm diệt và bình định.

Câu 41. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) được coi là Ấp Bắc đối với quân Mĩ?

- A.** Chiến thắng Việt Bắc. **B.** Chiến thắng Vạn Tường.
C. Chiến thắng Biên giới. **D.** Chiến thắng Tây Nguyên.

Câu 42. Thắng lợi nào của Việt Nam đã mở ra cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguy mà diệt” ở miền Nam?

A. Hoà Bình. B. Điện Biên Phủ. C. Thượng Lào. D. Vạn Tường.

Câu 43. Tỉnh đầu tiên ở miền Nam được giải phóng trong năm 1975 là

A. Buôn Ma Thuột B. Kon Tum
C. Quảng Trị D. Phước Long.

Câu 44. Trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân 1975, chiến dịch nào đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

A. Chiến thắng Phước Long. B. Chiến dịch Tây Nguyên.
C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 45. Chiến thắng quân sự nào của nhân dân miền Nam Việt Nam đã làm phá sản cơ bản chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965) của Mỹ?

A. Ấp Bắc. B. Bình Giã. C. Vạn Tường. D. Đồng Xoài.

Thông hiểu

Câu 1. Nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam 1954-1975 là

A. sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.
B. tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương.
C. hậu phương miền bắc không ngừng lớn mạnh.
D. lòng yêu nước, đoàn kết của nhân dân Việt Nam.

Câu 2. Nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975 là

A. tinh thần đoàn kết, giúp đỡ chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
B. sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới.
C. nhân dân tiến bộ phản đối chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.
D. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mỹ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
B. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam.
C. Phong trào đấu tranh chính trị phát triển ở các đô thị.
D. Phong trào phá ấp chiến lược diễn ra mạnh mẽ quyết liệt.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu của miền Bắc giai đoạn 1973- 1975?

A. Khôi phục các cơ sở kinh tế hệ thống thủy nông giao thông vận tải.
B. Chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.
C. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp một số ngành vượt kế hoạch.
D. Tăng cường chi viện cho chiến trường của Lào và Campuchia.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của phong trào Đồng Khởi (1959-1960)?

A. Lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
B. Đánh bại Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ.

C. Bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

D. Cách mạng miền Nam chuyển sang thế phản công.

Câu 6. Một trong những điểm giống nhau của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 là

A. huy động tối đa được lượng. B. phương châm chiến dịch.

C. phương thức để chiến đấu. D. sự phối hợp của không quân.

Câu 7. Một trong những điểm tương đồng về mục đích của Mỹ khi tiến hành hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc (1965-1968) và 1972 là

A. buộc quân dân Việt Nam đầu hàng không điều kiện.

B. không chế, hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên biển.

C. phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.

D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 8. Đâu **không** phải là đặc điểm của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

A. Tiến hàng bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

B. Thực hiện âm mưu dùng người Việt đánh người Việt

B. Tiến hành chủ yếu bằng quân Mỹ và quân đồng minh Mỹ.

D. Là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới.

Câu 9. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược ở Việt Nam hóa chiến tranh 1968-1973 là

A. dùng người Việt đánh người Việt. B. giành thế chủ động trên chiến trường.

C. tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực. D. dùng người Mỹ đánh người Việt.

Câu 10. Thủ đoạn mới được Mỹ sử dụng trong Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh 1968-1973 là

A. trực thăng vận và thiết xa vận. B. tiến hành thỏa hiệp với Liên Xô.

C. xây dựng nhiều ấp chiến lược. D. đưa lực lượng vào chiến đấu.

Câu 11. Thắng lợi nào sau đây của quân dân miền Nam buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược?

A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. Cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968.

C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 12. Ý nghĩa nào sau đây **không** phải của chiến thắng Ấp Bắc (1 – 1963) của quân dân miền Nam?

A. Dấy lên phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

B. Mở ra khả năng đánh bại Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

C. Chứng minh miền Nam đánh bại Chiến tranh cục bộ.

D. Đánh dấu sự phá sản bước đầu của Chiến tranh đặc biệt.

Câu 13. Nhận định nào sau đây **không** đúng về chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961- 1965) ở miền Nam Việt Nam của Mỹ?

- A. Âm mưu cơ bản là dùng người Việt đánh người Việt.
- B. Là chiến lược Chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- C. Có sự tham gia của quân đội Mỹ quân đồng minh của Mỹ.
- D. Dựa vào vũ khí, trang bị, kỹ thuật chiến tranh của Mỹ.

Câu 14. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968 đã mở ra một bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta vì

- A. đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Paris.
- B. đã buộc Mĩ phải rút toàn bộ quân viễn chinh trở về nước.
- C. đã buộc Mỹ phải ký hiệp định Paris về hòa bình Việt Nam.
- D. đánh bại hoàn toàn chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Câu 15. Điểm giống nhau giữa Chiến tranh đặc biệt 1961-1965 và Việt Nam hóa chiến tranh 1969-1973 là

- A. quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ lực.
- B. quân đội Ngụy là lực lượng tìm diệt.
- C. vai trò của Mỹ giảm dần trên chiến trường.
- D. viện trợ của Mỹ giảm dần ở miền Nam.

Phần vận dụng

Câu 1. Cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) và cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Có sự tham gia của lực lượng vũ trang ba thứ quân trên chiến trường.
- B. Có tính chất là bảo vệ để độc lập và của tiến trình giải phóng dân tộc.
- C. Sử dụng phương thức kết hợp chiến tranh nhân dân với Tổng khởi nghĩa.
- D. Kết thúc thắng lợi bằng trận quyết chiến chiến lược trên chiến trường.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là điểm khác giữa Chiến tranh cục bộ (1965-1968) và Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

- A. Mỹ tiến hành các hoạt động chống phá tại miền Bắc Việt Nam.
- B. Được triển khai khi quân đội Mỹ giành thế chủ động ở miền Nam.
- C. Thực hiện âm mưu chiến lược của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.
- D. Có sự thay đổi vai trò của lực lượng tham chiến trên chiến trường.

Câu 3. Ở Việt Nam cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) có điểm mới nào so với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- A. Thực hiện tư tưởng tiến công bằng sức mạnh của lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- B. Hoàn thành đồng thời hai nhiệm vụ: Kháng chiến và xây dựng cơ sở chế độ mới.
- C. Kết hợp với cái từng phần của quần chúng nhân dân với chiến tranh cách mạng.

D. Tiến hành tuần thứ hai cuộc cách mạng ở hai miền đất nước với mục tiêu thống nhất.

Câu 4. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 -1975) vẫn còn nguyên giá trị ngày nay?

- A.** Kiên quyết sử dụng bạo lực cách mạng giải quyết tranh chấp.
- B.** Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- C.** Thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ cách mạng mới của dân tộc.
- D.** Tranh thủ tối đa nguồn viện trợ từ các nước đồng minh.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) ở Việt Nam?

- A.** Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên cả nước.
- B.** Mang tính chất chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng.
- C.** Thực hiện phương châm lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều.
- D.** Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

Câu 6. Một trong những điểm tương đồng của chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) và “Điện Biên Phủ trên không” (1972) và tác động đến mặt trận ngoại giao là

- A.** góp phần quyết định thắng lợi trên bàn đàm phán.
- B.** buộc kẻ thù phải thừa nhận xâm lược giúp quân.
- C.** giành ưu thế ngoại giao cho phe Xã hội chủ nghĩa.
- D.** buộc Mỹ rút hết quân xâm lược và tay sai về nước.

Câu 7. Điểm khác biệt trong đấu tranh ngoại giao của ta trong giai đoạn 1969-1973 so với giai đoạn 1965-1968 là

- A.** Từng bước đàm phán để chính phủ Mỹ rút quân về nước.
- B.** Từng bước đàm phán và xóa bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ.
- C.** Từng bước đàm phán và buộc Mỹ phải ký hiệp định Pari.
- D.** Từng bước đàm phán, buộc Mỹ ngừng ném bom miền Bắc.

Câu 8. Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao ta buộc Mỹ phải ký hiệp định Pari để lại bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A.** Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.
- B.** Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế, ngoại giao.
- C.** Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị, ngoại giao.
- D.** Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận, ngoại giao.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG -SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mỹ ném bom Hà Nội, Hải Phòng với sự tàn bạo hơn bao giờ hết trong lịch sử chiến tranh Việt Nam... Giới quân sự cho rằng các trung tâm dân cư cũng như các mục tiêu quân sự sẽ bị quét sạch và trong phần lớn các trường hợp, khu vực mục tiêu chỉ còn là những đống gạch vụn. Gạch vụn là mục tiêu thừa nhận của Lầu Năm Góc, nhằm “làm tê liệt đời sống hằng ngày của Hà Nội và Hải Phòng và phá hủy khả năng của Bắc Việt Nam, ủng hộ các lực lượng của Nam Việt Nam”.

(Tổng cục Chính trị, “Điện Biên Phủ trên không” nhìn từ phía Mỹ (2002), Thư viện Quân đội, Hà Nội, 2002, tr.19)

a) Cuối năm 1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc Việt Nam. **Đ**

- b)** Mỹ ném bom vào Hà Nội và Hải Phòng nhằm phá hủy tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc và cứu nguy cho chính quyền tay sai ở miền Nam. **Đ**
- c)** Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân ta ở miền Bắc đã làm thất bại hoàn toàn mưu đồ chiến lược của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. **S**
- d)** Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân ta ở miền Bắc đã góp phần bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. **Đ**

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, ... Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

(Đảng Lao động Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1959)*, trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 20, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.82).

- a)** Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. **Đ**
- b)** Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 được ra đời ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết. **S**
- c)** Sử dụng bạo lực cách mạng là biện pháp duy nhất của Việt Nam trước mọi dã tâm và hành động xâm lược của kẻ thù. **S**
- d)** Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đã thổi bùng lên cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân miền Nam chống lại chính quyền Mỹ - Diệm. **S**

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Từ năm 1961 đến năm 1968 là khoảng thời gian đế quốc Mỹ lần lượt triển khai hai chiến lược chiến tranh hòng tiếp tục âm mưu xâm lược và thống trị miền Nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Cuộc chiến leo thang với quy mô ngày càng mở rộng và cường độ ngày càng khốc liệt trên cả hai miền Nam, Bắc trở thành cuộc đụng đầu lịch sử giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ xâm lược. Trong cuộc đụng đầu lịch sử đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân, toàn quân ta đã triển khai và thực hiện có hiệu quả đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, đẩy mạnh chiến lược tiến công, đương đầu và đánh thắng các bước leo thang chiến tranh.”

(Viện lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam, Tập 11: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.281).

- a)** Từ năm 1961 đến năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh. **Đ**
- b)** Từ năm 1961 đến năm 1968, đế quốc Mỹ lần lượt triển khai hai chiến lược chiến tranh ở miền Nam là chiến lược chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh. **S**
- c)** Các chiến lược chiến tranh mà Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam từ 1961 đến 1968 có sự mở rộng về quy mô và tính chất khốc liệt, nhưng không có sự thay đổi về bản chất và âm mưu chiến lược. **Đ**
- d)** Trong giai đoạn này nhân dân Việt Nam đã tạo ưu thế về lực lượng, hình thành sức mạnh áp đảo, bảo đảm đánh địch trên thế mạnh. **S**

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt năm 1968 là kết quả và đỉnh cao nhất của quân và dân ta đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đập tan ý chí xâm lược miền Nam của Mỹ, buộc Mỹ phải ngồi đàm phán với ta ở bàn hội nghị, chấm dứt ném bom miền Bắc không điều kiện và phải thay đổi chiến lược ở miền Nam. Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 tạo ra cục diện mới trên chiến trường miền Nam, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta sang thời kì lịch sử mới.”

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr. 353).

- Câu 5:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

(Trần Bá Đệ, *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, tr.414)

- BÀI 9: CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN, BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ 1945 ĐẾN NAY**

CÂU NHÂN BIẾT.

Câu 4. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tình hình quan hệ Việt - Trung từ giữa năm 1975?

- A. Vẫn duy trì rất tốt đẹp. B. Chuyển sang đối đầu.
C. Dân trở nên bất ổn căng thẳng. D. Trung Quốc xâm lược.

Câu 5. Sau năm 1975, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam chống lại kẻ thù nào sau đây?

- A. Quân Pôn Pốt. B. Đế quốc Mỹ. C. Thực dân Pháp. D. Phát xít Nhật.

Câu 6. Sau khi lên nắm quyền (4-1975) chính quyền Pôn Pốt đã có hành động nào sau đây?

- A. Đi thăm Mỹ để mở rộng quan hệ đối ngoại cho Campuchia.
B. Ủng hộ hết lòng cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam.
C. Phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam Việt Nam.
D. Liên kết với các nước Đông Nam Á để chống lại Trung Quốc.

Câu 7. Quân Pôn Pốt đã huy động bao nhiêu sư đoàn tiến công xâm lược toàn tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam?

- A. 22 sư đoàn. B. 21 sư đoàn. C. 20 sư đoàn D. 19 sư đoàn

Câu 8. Một trong những nơi ghi dấu tội ác của tập đoàn Kơ-me đỏ đối với nhân dân Việt Nam là

- A. An Giang. B. Cà Mau. C. Bạc Liêu. D. Cần Thơ.

Câu 9. Âm mưu của Kơ-me đỏ khi xâm phạm các vùng lãnh thổ của Việt Nam là

- A. xâm lược, chống phá Việt Nam. B. nhằm gây tiếng vang với quốc tế.
C. bắt các ngư dân của Việt Nam. D. tranh chấp lãnh thổ đang nổi ra.

Câu 10. Trong việc tiến công truy kích quân đội Kơ-me Đỏ đến Thủ đô Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), quân dân Việt Nam đã thực hiện

- A. chủ trương đánh chắc, tiến chắc. B. quyền tự vệ chính đáng.
C. chủ trương đánh điểm, diệt viện. D. quyền phòng thủ trên biển.

Câu 11. Ngày 07-01-1979, diễn ra sự kiện gì?

- A. Giải phóng thủ đô Phnôm Pênh
B. Trung Quốc xâm phạm biên giới phía Bắc Việt Nam.
C. Thành lập huyện đảo Hoàng sa.
D. Trung Quốc tuyên bố rút quân khỏi biên giới phía Bắc Việt Nam.

Câu 12. Giới cầm quyền Trung Quốc tấn công quân sự đối với Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc kéo dài

- A. từ Lào Cai (Hoàng Liên Sơn) đến Hà Tuyên.
B. từ Lào Cai (Hoàng Liên Sơn) đến Phong Thổ (Lai Châu).
C. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tuyên.
D. từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

Câu 13. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979 đã diễn ra trên quy mô bao nhiêu tỉnh của Việt Nam?

A. 4. B. 5. C. 6. D. 7.

Câu 14. Một trong những địa điểm diễn ra trận đánh quyết liệt của quân và dân Việt Nam chống lại sự xâm lược của quân Trung Quốc (1979) là

A. Cao Bằng B. Thái Nguyên C. Nam Định. D. Phú Thọ.

Câu 15. Địa bàn nào sau đây là một trong những mặt trận quyết liệt nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc (1979 - 1989) của quân dân Việt Nam?

A. Thổ Chu. B. Vị Xuyên. C. Tây Ninh. D. Hà Tiên.

Câu 16. Âm mưu của Trung Quốc khi tấn công Việt Nam năm 1979 là gì?

A. thần tốc, táo bạo, bất ngờ. B. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.
C. đánh nhanh thắng nhanh. D. chinh phục từng góí nhỏ.

Câu 17. Sau khi Trung Quốc tuyên bố rút quân (5-3-1979), tình hình biên giới Việt - Trung như thế nào?

A. Trở lại bình thường. B. Tiếp tục căng thẳng.
C. Đã yên bình trở lại. D. Liên Xô can thiệp.

Câu 18. Trong năm 1979-1989, thái độ của dư luận trong nước và quốc tế khi Trung Quốc vi phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam là

A. phản đối mạnh mẽ. B. ủng hộ .
C. đứng nhìn trung lập. D. đồng tình.

Câu 19. Bản chất hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam là

A. cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. B. để xác lập địa vị số một châu Á.
C. xung đột, tranh chấp biên giới. D. chiến tranh thống nhất đất nước.

Câu 20. Sau năm 1975, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm

A. tất cả các đảo trên vùng Biển Đông.
B. tất cả các đảo và quần đảo thuộc vịnh Thái Lan.
C. quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
D. các đặc khu kinh tế trên bán đảo Đông Dương.

Câu 21. Sự kiện nào sau đây là căn cứ pháp lí quốc tế để Việt Nam đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông?

A. Năm 2007, thành lập xã đảo Song Từ Tây và Sinh Tồn thuộc huyện đảo Trường Sa.
B. Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
C. Năm 1977, Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế.
D. Năm 1994. Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Câu 22. Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo nào?

A. Hoàng Sa và Trường Sa B. Cô Tô và Lý Sơn.

C. Bạch Long Vĩ và Côn Cỏ.

D. Phú Quốc và Cù Lao Xanh.

Câu 23. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thành lập huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Đà Nẵng. B. Khánh Hoà. C. Quảng Ninh. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 24. Trong việc thực thi chủ quyền biển, đảo, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thành lập huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. C. Khánh Hòa. D. Đà Nẵng.

Câu 25. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa do quốc gia nào sau đây quản lý?

A. Việt Nam. B. Trung Quốc. C. Liên Xô. D. Triều Tiên

***Thông hiểu**

Câu 1. Tổ chức nào sau đây có vai trò đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền đất nước

A. Ban Chấp hành Trung ương.

B. Ban Tuyên giáo Trung ương.

C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

D. Ban Dân vận Trung ương.

Câu 2. Nguyên nhân mang tính truyền thống dẫn đến thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc là

A. quân đội Trung Quốc yếu, lạc hậu.

B. truyền thống yêu nước của dân tộc.

C. có sự ủng hộ giúp đỡ của quốc tế.

D. đoàn kết ba nước Đông Dương từ lâu.

Câu 3. Trong cuộc chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam (1979), Trung Quốc đã đạt được mục tiêu nào sau đây?

A. Dạy cho Việt Nam một bài học.

B. Tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Nam.

C. Phá hủy cơ sở vật chất, đường xá.

D. Việt Nam đã thay đổi chính sách.

Câu 4. Một trong những điều kiện cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là

A. độc lập, tự do, dân chủ.

B. hòa bình và hạnh phúc.

C. dân quyền và dân sinh.

D. độc lập và thống nhất.

Câu 5. Một trong những điểm giống về nguyên nhân thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) và cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) là

A. đoàn kết của ba nước Đông Dương. B. tinh thần yêu nước của nhân dân.

C. phong trào phản chiến của dân Mỹ. D. viện trợ to lớn của Liên Hợp quốc.

Câu 6. Bài học được rút ra từ các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay vẫn có giá trị to lớn đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là

- A.** tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. **B.** liên minh chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc.
C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự. **D.** thiết lập quan hệ chiến lược với các nước.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đường lối đối ngoại phù hợp mà Việt Nam nên thực - đối với Trung Quốc hiện nay?

- A.** Khép lại quá khứ, hợp tác kinh tế nhưng cảnh giác đề phòng.
B. Tuyên truyền cổ động chống lại Trung Quốc trên mọi mặt.
C. Chuẩn bị sức mạnh quân sự để tấn công quân Trung Quốc.
D. Hợp tác với Nhật, Mỹ, Nga để cô lập toàn diện Trung Quốc.

Câu 8: Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979), điểm chung của Tướng Sùng Lãm, Hoàng Đan là

- A.** nổi khiếp sợ của quân Trung Quốc. **B.** đều xuất thân từ vùng đất Nghệ An
C. từng là chỉ huy trưởng Quân đoàn 2. **D.** đều là Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Câu 9: Một trong những nguyên nhân thất bại của quân Trung Quốc năm 1979 là

- A.** số quân Trung Quốc tham chiến còn ít. **B.** tinh thần chiến đấu của quân và dân ta.
C. đe dọa tấn công hạt nhân của Liên Xô. **D.** sức mạnh các quân đoàn chủ lực của ta.

Câu 10. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (từ sau tháng 4-1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX) có ý nghĩa nào sau đây?

- A.** Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực và thế giới.
B. Góp phần vào việc thiết lập một trật tự thế giới mới.
C. Góp phần vào quá trình giải trừ' chủ nghĩa thực dân ở châu Á.
D. Châm dứt được âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

II. Phần 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Khối đại đoàn kết toàn dân tuy có phạm vi rộng rãi nhưng lại được tổ chức một cách có hệ thống để phối hợp hành động, do đó sức mạnh của đoàn kết toàn dân dần tăng được tăng lên gấp bội. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã được toàn tiến hành một cách có tổ chức,... nên dù trải qua nhiều hy sinh, gian khổ lâu dài nhưng cuối cùng đã giành được thắng lợi”

Tư liệu 2: “Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, khối đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi. Việc xây dựng, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc được thể hiện qua các chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là việc thành lập các mặt trận tập hợp rộng rãi sự tham gia của đông đảo các tầng lớp trong xã hội như Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 58).

- a. Tư liệu 1 nói về vai trò của chiến tranh bảo vệ tổ quốc đối với đại đoàn kết dân tộc. S
b. Tư liệu 2 nói về việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc từ sau năm 1945 đến nay. Đ
c. Khối đại đoàn kết dân tộc là một nhân tố dẫn tới thắng lợi của các cuộc kháng chiến. Đ

d. Để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, các mặt trận được thành lập theo lứa tuổi, giới. S

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Con hiểu lòng mẹ héo hon, đau xót khi con của mẹ còn phải lặn mình trong lửa đạn, những lá thư của con, của các em gửi đến mẹ chỉ nói lên một phần vạn sự gian khổ ác liệt... lòng con bao giờ cũng ao ước được trở về với mẹ, với ba, với miền Bắc ngàn vạn yêu thương.”

Tư liệu 2: “Trong những năm 60 của thế kỷ XX, nhiều phong trào thi đua yêu nước đã được phát động rồi phát triển trên khắp cả nước, tiêu biểu như các phong trào “Ba sẵn sàng”. “Ba đảm đang” “Ba nhất”, “Hai tốt”, “Năm xung phong ... Từ năm 1970 đến năm 1972, hơn 10.000 sinh viên các trường đại học ở Hà Nội đã lên đường nhập ngũ, trực tiếp tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hơn một nửa trong số đó đã hy sinh tại các mặt trận.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 57).

- Tư liệu 1 nói về tư tưởng, tình cảm của người lính miền Bắc chiến đấu ở miền Nam. Đ
- Tư liệu 2 nói về quyết tâm của thanh niên miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đ
- Trong kháng chiến chống Mỹ, phong trào thi đua yêu nước chỉ diễn ra trong sinh viên. S
- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, có 10 ngàn sinh viên nhập ngũ và hy sinh một nửa. S

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Năm 2014, Trung Quốc dùng giàn khoan Hải Dương 981 xâm phạm chủ quyền biển đảo của Việt Nam, nhân dân cả nước cùng các lực lượng chức năng phối hợp đấu tranh quyết liệt, bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

Tư liệu 2: “Việt Nam kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế (đưa công hàm phản đối Trung Quốc về đường chín đoạn ở Biển Đông, phản đối xây dựng các đảo nhân tạo và quân sự hóa các đảo nhân quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng ấn phẩm văn hóa xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 60).

- Tư liệu 1 nói về hành động xâm phạm chủ quyền quốc gia Việt Nam của Trung Quốc. Đ
- Tư liệu 2 nói về chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. Đ
- Việt Nam quyết sử dụng vũ lực để giải quyết mọi tranh chấp biển đảo trên Biển Đông. S
- Việt Nam sử dụng luật pháp để khởi kiện ra tòa án quốc tế khi có tranh chấp chủ quyền. S

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa;... bảo vệ hòa bình, an ninh, văn hóa, pháp luật, tính uy nghiêm và biểu tượng quốc gia tại biên giới, cửa khẩu. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác; bảo vệ, phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia; góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới và cả nước.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 60).

- Tư liệu trên nói về quan điểm xây dựng và bảo vệ tổ quốc của Việt Nam ngày nay. Đ
- Lực lượng duy nhất bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên bộ là bộ đội biên phòng. S

c. Việt Nam coi trọng gắn củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Đ

d. Cần xây dựng lực lượng, sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mọi tranh chấp biên giới. S